

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (“LPBS”)

Mã thành viên: **103**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.7309 8198

Fax: 028. 3514 6799

Email: lienhe@lpbs.com.vn

Web: <https://lpbs.com.vn>

2. Nội dung của thông tin công bố: Thông báo phát hành, Bản cáo bạch chào bán 13 chứng quyền có bảo đảm được đăng tải theo đường dẫn: <https://www.lpbs.com.vn/thong-bao-phat-hanh--ban-cau-bach-cao-ban-13-chung-quyen-co-bao-dam-post569>
3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/12/2025 tại đường dẫn: <https://lpbs.com.vn/> mục công bố thông tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người công bố thông tin



Nguyễn Duy Khoa



Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN LPBANK
Email: thuy.nguyen@lvs.com.vn
Ký ngày: 26/12/2025 18:39:38

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 541/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2025)

1. **Tên tổ chức phát hành:** Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank.
2. **Tên viết tắt:** LPBS.
3. **Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. **Số điện thoại:** (028) 7309 8198.
5. **Số Fax:** (028) 3514 6799.
6. **Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành:** Không có.
7. **Thông tin về chứng quyền phát hành:**
 - **Tên chứng quyền:** Chứng quyền STB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/05
 - **Tên (mã) chứng khoán cơ sở:** STB
 - **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.
 - **Loại chứng quyền:** Mua.
 - **Kiểu thực hiện:** Châu Âu.
 - **Phương thức thực hiện chứng quyền:** Thanh toán bằng tiền (VND).
 - **Thời hạn:** 06 tháng.
 - **Ngày đáo hạn:** 29/06/2026.
 - **Tỷ lệ chuyển đổi:** 3:1
 - **Hệ số nhân (đối với chứng quyền dựa trên chỉ số):** Không áp dụng.
 - **Giá thực hiện:** 60.000 đồng.
 - **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:** 6.000.000.000 đồng.
8. **Số lượng đăng ký phát hành:** 4.800.000 chứng quyền.
9. **Giá phát hành:** 1.468 đồng/chứng quyền.
10. **Số lượng chứng quyền đã phát hành (trường hợp thông báo phát hành bổ sung):** Không có.
11. **Số lượng đăng ký mua tối thiểu:** 100 chứng quyền.
12. **Thời gian nhận đăng ký mua:** Từ 09 giờ 00 ngày 27/12/2025 đến 15 giờ 00 ngày 31/12/2025.
13. **Địa điểm nhận đăng ký mua chứng quyền và công bố Bản cáo bạch:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank.

 - Nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền theo hình thức trực tuyến tại website: www.lptrade.com.vn, hoặc đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở và các Chi nhánh của LPBS.
 - Bản cáo bạch đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, nhà đầu tư xem nội dung Bản cáo bạch tại website: www.lpbs.com.vn.



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro từ trang 03 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK**

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 104/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số: 118/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 10 năm 2025)



CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 541/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/12/2025)

CHỨNG QUYỀN **STB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/05**

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày thông báo phát hành tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

Địa chỉ: Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 7309 8198

Fax: (028) 3514 6799

Website: www.lpbs.com.vn

Email: lienhe@lpbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: Nguyễn Duy Khoa

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

Điện thoại: (028) 7309 8198

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro từ trang 03 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 104/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số: 118/GPDC-UBCK ngày 29 tháng 10 năm 2025)



CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày/...../.....)

CHỨNG QUYỀN

STB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/05

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày thông báo phát hành tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

Địa chỉ: Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 7309 8198

Fax: (028) 3514 6799

Website: www.lpbs.com.vn

Email: lienhe@lpbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: Nguyễn Duy Khoa

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

Điện thoại: (028) 7309 8198

TP. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 104/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số: 118/GPDC-UBCK ngày 29 tháng 10 năm 2025)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

STT	Khoản mục	Nội dung
1	Tên chứng quyền	Chứng quyền STB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/05
2	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	STB
3	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
4	Loại chứng quyền (mua/bán)	Mua
5	Kiểu chứng quyền (châu Âu/Mỹ)	Châu Âu
6	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	Thanh toán tiền (VND)
7	Thời hạn	06 tháng
8	Tỷ lệ chuyển đổi	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)
9	Hệ số nhân	Không có.
10	Giá thực hiện dự kiến (chỉ số thực hiện)	Trong khoảng giá chênh lệch không vượt quá +/-20% so với giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
11	Giá chào bán cao nhất dự kiến	2.000 đồng/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
12	Giá chào bán thấp nhất dự kiến	1.000 đồng/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
13	Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) chứng quyền.
14	Tài sản bảo đảm thanh toán	Tiền (VND), ký quỹ bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng lưu ký.
15	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	50% giá trị chứng quyền chào bán.
16	Ngày phát hành dự kiến	Trong vòng 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có hiệu lực. Thời gian chào bán cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
17	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Trước ngày đáo hạn 02 ngày giao dịch.
18	Ngày đáo hạn dự kiến	Ngày tròn 06 tháng kể từ ngày phát hành.
19	Tổng giá trị chào bán dự kiến	Trong khoảng giá trị từ 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng) đến 9.600.000.000 đồng (chín tỷ sáu trăm triệu đồng).

NGÂN HÀNG LƯU KÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM THANH TOÁN

Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3821 8812

Website: www.bidv.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 7105 0000

Website: www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Không có.

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền.....	3
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền.....	4
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở.....	5
4. Các rủi ro khác.....	5
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1. Tổ chức phát hành.....	6
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn.....	6
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	6
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	8
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam.....	8
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	10
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm.....	11
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	11
1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	11
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành.....	39
3. Tình hình tài chính.....	41
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	42
1. Thông tin chung về chứng quyền.....	42
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.....	44
3. Thời gian phân phối chứng quyền.....	46
4. Đăng ký mua chứng quyền.....	46
5. Thực hiện chứng quyền.....	47
6. Quyền của người sở hữu chứng quyền.....	49
7. Điều chỉnh chứng quyền.....	49
8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền....	49
9. Hoạt động tạo lập thị trường.....	51
VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	52
1. Quy trình quản trị rủi ro.....	52
2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến.....	59
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền.....	64
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	64
1. Tổ chức kiểm toán.....	64
2. Ngân hàng lưu ký.....	65
3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành, tổ chức tư vấn.....	65
IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	65
X. CAM KẾT.....	65
XI. PHỤ LỤC.....	65

1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm, các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm này.

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Chúng tôi không đảm bảo về bất cứ sự nghiên cứu, điều tra nào liên quan tới hoạt động của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm không nên hiểu sự phát hành chứng quyền có bảo đảm như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền có bảo đảm trên thị trường và các chứng quyền có bảo đảm này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền có bảo đảm.

- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

- Rủi ro chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết liên quan tới vấn đề thanh khoản hoặc giải thể: Trong trường hợp tổ chức phát hành giải thể, phá sản, hoặc tổ chức phát hành không đáp ứng được các tiêu chuẩn của Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng quyền có bảo đảm sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền có bảo đảm bị hủy trước ngày đáo hạn.

- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền có bảo đảm. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền có bảo đảm mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Người sở hữu không có quyền buộc chúng tôi thực hiện các hoạt động liên quan tới giao dịch hoặc thực hiện quyền của chứng quyền có bảo đảm. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền có bảo đảm.

- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

- Rủi ro đầu tư chung: người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của chứng quyền có bảo đảm và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có bảo đảm có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền có bảo đảm: do chứng quyền có bảo đảm có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có bảo đảm có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền có bảo đảm đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền có bảo đảm sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền có bảo đảm. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có bảo đảm.

- Rủi ro về giá: là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm. Sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có bảo đảm, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở,... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền có bảo đảm còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền có bảo đảm. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền có bảo đảm theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền có bảo đảm thông qua phương thức phát hành bổ sung chứng quyền có bảo đảm miễn là hạn mức phát hành chứng quyền có bảo đảm đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền có bảo đảm.

- Rủi ro từ tính đòn bẩy: đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền có bảo đảm khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- Rủi ro thanh khoản: là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền có bảo đảm ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền có bảo đảm đó. Thanh khoản của chứng quyền có bảo đảm phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền có bảo đảm, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền có bảo đảm sẽ sôi động.

Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có bảo đảm không có quyền lợi tương tự cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm và không giới hạn việc phát hành quyền, phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

4.1. Rủi ro về kinh tế

Tuy nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt trong vòng 5 năm qua, nhưng vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức. Trong các năm qua, tăng trưởng kinh tế Việt Nam dựa nhiều vào xuất khẩu, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, dòng vốn này đang dịch chuyển theo nhiều hướng khác nhau do chính sách thuế quan của Chính phủ Mỹ, chiến tranh thương mại, và địa chính trị trên thế giới. Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã triển khai rất nhiều giải pháp để kích thích tăng trưởng kinh tế như: đẩy mạnh đầu tư công, cải cách hành chính, ban hành nhiều luật để gỡ bỏ các rào cản kinh doanh, cải cách trong hệ thống ngân hàng nhằm nâng cao tính ổn định cho toàn bộ hệ thống và hỗ trợ tái cấu trúc các ngân hàng đang gặp khó khăn; đẩy mạnh việc xây dựng thị trường vốn thông qua việc hỗ trợ thị trường chứng khoán phát triển về cả chiều rộng và chiều sâu; cải thiện hiệu suất đầu tư và hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước bằng cách đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa, tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước,... Tuy nhiên, các biện pháp này vẫn sẽ cần thời gian để áp dụng một cách triệt để và có hiệu quả. Ngoài ra, nền kinh tế toàn cầu cũng đang gặp nhiều bất ổn do thị trường tài chính chưa hoàn toàn hồi phục sau covid, và tình hình địa chính trị, thuế quan, cũng như chiến tranh thương mại toàn cầu... diễn biến phức tạp. Điều này có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến nền kinh tế Việt Nam.

4.2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, LPBS chịu sự điều chỉnh bởi các luật liên quan như Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp. Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới, đặc biệt là lĩnh vực tài chính – chứng khoán là một lĩnh vực nhạy cảm, do vậy hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực này liên tục được chỉnh sửa, bổ sung, và ban hành để phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế. Việc áp dụng không kịp thời các thay đổi các văn bản pháp luật điều chỉnh sẽ dẫn tới rủi ro về pháp luật đối với Công ty.

4.3. Rủi ro về thuế khi thực hiện quyền

Theo quy định thuế khi thực hiện quyền đối với chứng quyền đáo hạn trong trạng thái có lãi, nhà đầu tư có thể phải gặp phải rủi ro khi tiền thuế mà nhà đầu tư phải nộp có thể nhiều hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành cho chứng quyền này. Do đó nhà đầu tư cần cân nhắc những vấn đề này trong quá trình đầu tư của mình.

4.4. *Rủi ro chính trị*

Là rủi ro do những biến động của những sự kiện chính trị, những thay đổi trong chính sách kinh tế, thương mại, hoặc các chính sách quốc tế khác làm ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

4.5. *Rủi ro khác*

Ngoài những rủi ro nêu trên, nhà đầu tư sở hữu chứng quyền còn có thể chịu một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức phát hành chứng quyền hoặc tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp làm ảnh hưởng đến giá của chứng quyền. Các rủi ro này có thể bao gồm: thiên tai, địch họa, lụt lội, cháy nổ, khủng bố, các rủi ro liên quan đến các biến động chính trị, xã hội trên thế giới,....

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. **Tổ chức phát hành**

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank

Ông Nguyễn Duy Khoa	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Anh	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngân	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Bùi Lê Quang	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. **Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn**

Không có.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- **Tổ chức phát hành:** Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank.
- **UBCKNN:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- **SGDCK:** Sở Giao dịch Chứng khoán.
- **HOSE:** Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.
- **HNX:** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- **VSDC:** Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- **STB/Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.
- **CTCP:** Công ty Cổ phần.
- **VND:** Việt Nam đồng.
- **CBCNV:** Cán bộ công nhân viên.
- **HĐQT:** Hội đồng quản trị.
- **ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông.

- **Chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền):** là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
- **Chứng khoán cơ sở (CKCS):** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành, hoặc TCPH):** là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký:** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền:** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Chứng quyền kiểu châu Âu:** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Giá thực hiện:** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua (đối với chứng quyền mua) hoặc bán (đối với chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở (cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ ETF) cho tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi:** cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.
- **Ngày đáo hạn:** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.
- **Chứng quyền đang lưu hành:** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành:** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư.
- **Vị thế mở chứng quyền của tổ chức phát hành:** bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:** là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế:** là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.
- **Chứng quyền có lãi (ITM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện (chi số thực hiện) thấp hơn giá (chi số) của chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền bán có giá thực hiện (chi số thực hiện) cao hơn giá (chi số) của chứng khoán cơ sở.

- **Chứng quyền lỗ (OTM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) cao hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền bán có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) bằng giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền bán có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) bằng giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.
- **Delta; Hệ số phòng ngừa rủi ro Delta:** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức Black Scholes.

Công thức tính Delta:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền x tỷ lệ chuyển đổi}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền:** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch gần nhất trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

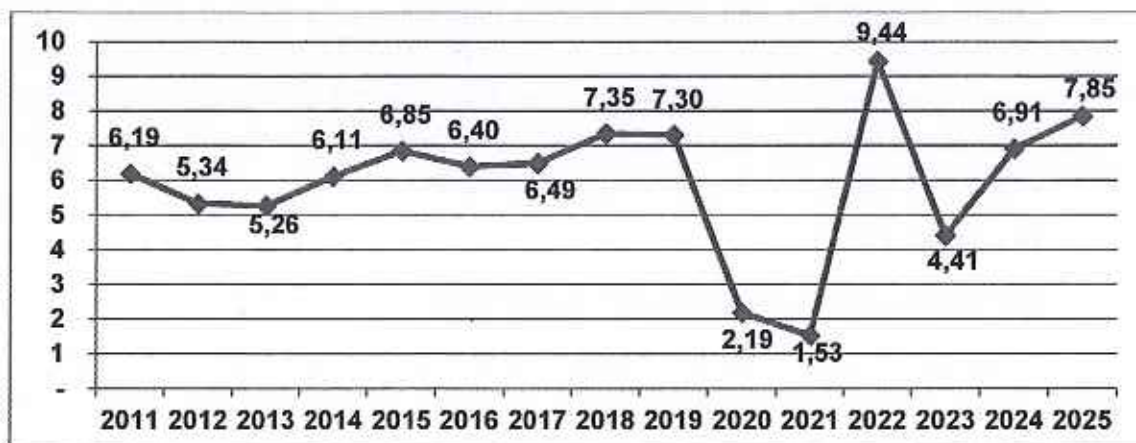
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2025 ước tính tăng 8,23% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%, đóng góp 5,04% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,46%, đóng góp 46,41%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo là điểm sáng của nền kinh tế với tốc độ tăng 9,98%; khu vực dịch vụ tăng 8,56%, đóng góp 48,55%.

GDP chín tháng năm 2025 ước tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 5,36% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,69%, đóng góp 43,05%; khu vực dịch vụ tăng 8,49%, đóng góp 51,59%.

Tốc độ tăng GDP chín tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước các năm trong giai đoạn 2011-2025 (%):



Nguồn: Cục thống kê – Bộ Tài chính

Dưới đây là một số điểm đáng lưu ý về tình hình kinh tế Việt Nam:

- *Xuất, nhập khẩu hàng hóa:*

Trong tháng 9/2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 82,49 tỷ USD, giảm 0,7% so với tháng trước và tăng 24,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung chín tháng năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 680,66 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 16,0%; nhập khẩu tăng 18,8%.

Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 16,82 tỷ USD.

- *Sản xuất công nghiệp:*

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) quý III/2025 ước tăng 10,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,2%; ngành khai khoáng tăng 8,2%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,8% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,3%.

Tính chung chín tháng năm 2025, IIP ước tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,4%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,4% (cùng kỳ năm 2024 tăng 9,6%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,1% (cùng kỳ năm 2024 tăng 10,8%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,8% (cùng kỳ năm 2024 tăng 9,7%); ngành khai khoáng tăng 0,1% (cùng kỳ năm 2024 giảm 6,9%).

- *Đầu tư phát triển:*

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý III/2025 theo giá hiện hành ước đạt 1.100,1 nghìn tỷ đồng, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính chín tháng năm 2025, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 2.701,8 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/9/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,54 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam chín tháng năm 2025 ước đạt 18,80 tỷ USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong chín tháng năm 2025 có 134 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 709,3 triệu USD, gấp gần 4 lần so với cùng kỳ năm trước; có 23 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 137,5 triệu USD. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 846,8 triệu USD, gấp 4,5 lần so với cùng kỳ năm trước.

- *Hoạt động dịch vụ:*

+ Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng:

Trong quý III/2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 1.759,1 nghìn tỷ đồng, tăng 2,6% so với quý trước và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung chín tháng năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 5.176,0 nghìn tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,8%).

+ Vận tải hành khách và hàng hóa:

Tính chung chín tháng năm 2025, vận tải hành khách ước đạt 4.518,8 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 235,2 tỷ lượt khách.km, tăng 15,2%. Trong đó, vận tải trong nước ước đạt 4.504,1 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước và 188,1 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 16,4%; vận tải ngoài nước ước đạt 14,7 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 11,3% và 47,1 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 10,8%.

Tính chung chín tháng năm 2025, vận tải hàng hóa ước đạt 2.236,0 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 453,4 tỷ tấn.km, tăng 14,6%. Trong đó, vận tải trong nước ước đạt 2.197,7 triệu tấn vận chuyển, tăng 15,9% và 260,2 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 8,3%; vận tải ngoài nước ước đạt 38,3 triệu tấn vận chuyển, tăng 10,4% và 193,2 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 24,3%.

+ Khách quốc tế đến Việt Nam: Trong tháng chín năm 2025, khách quốc tế đến nước ta đạt 1,5 triệu lượt người, giảm 9,6% so với tháng trước và tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung chín tháng năm 2025, khách quốc tế đến Việt Nam đạt hơn 15,4 triệu lượt người, tăng 21,5% so với cùng kỳ năm trước.

- *Chỉ số giá tiêu dùng (CPI):*

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2025 tăng 0,42% so với tháng trước; tăng 2,61% so với tháng 12/2024; tăng 3,38% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân quý III/2025 tăng 3,27% so với quý III/2024.

Bình quân chín tháng năm 2025, CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,19%.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Năm 2024 dù chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các biến động kinh tế toàn cầu, áp lực lạm phát và việc khối ngoại rút ròng kỷ lục cũng như dòng vốn quốc tế quay về thị trường Mỹ, song TTCK Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng đáng khích lệ. VN-Index đóng cửa ở mốc 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với năm 2023. Đây cũng là năm thứ 2 liên tiếp, thị trường có mức tăng trưởng 2 con số. Việc đồng USD mạnh lên đã gây áp lực cho đồng tiền của các quốc gia Châu Á, tiền đồng của Việt Nam cũng giảm 4,8%, qua đó tác động lên các thị trường tài chính và chứng khoán. Kết quả là khối ngoại đã thực hiện bán ròng 92.670 tỉ đồng, mức cao nhất trong lịch sử thị trường. Dòng tiền nội là động lực đưa VN-Index tăng trưởng trong năm 2024. Theo thống kê, thanh khoản bình quân toàn thị trường năm 2024 đạt 21.515 tỷ đồng, tăng 22,8% so với năm 2023. Cùng với xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ của cổ phiếu công nghệ trên thế giới, các nhóm cổ phiếu trong nước được sự quan tâm của dòng tiền và mang lại mức tăng trưởng ấn tượng. Tính đến cuối năm Việt Nam có 9,2 triệu tài khoản chứng khoán chiếm 9,3% dân số.

Bước sang 2025, với diễn biến phức tạp của thị trường tài chính toàn cầu, chính sách thuế quan của Chính phủ Mỹ, chiến tranh thương mại... thị trường chứng khoán Việt Nam cũng đã có những biến động đáng kể. Ngoài ra, sự ra đời của Deepseek đã ảnh hưởng tới giá các cổ phiếu công nghệ trên thế giới, cũng như Việt Nam. VN-Index đóng cửa Quý 1/2025 tại 1306.9 điểm,

tăng 3% so với đầu năm, nhưng với tuyên bố về chính sách thuế quan của Chính phủ Mỹ ngày 2/4/2025, VN-Index có nhiều phiên giảm trên 5% trong tháng 4/2025. Tuy nhiên, với quyết tâm tăng trưởng kinh tế trên 8% năm 2025 và tăng trưởng 2 chữ số trong các năm tiếp theo, bằng việc mở rộng chính sách tài khóa, nới lỏng chính sách tiền tệ và phát triển mạnh thị trường vốn (bao gồm thị trường chứng khoán và thị trường trái phiếu), VN-Index đã hồi phục và tăng trưởng ngoạn mục trong Quý 2 và Quý 3 với thanh khoản bình quân toàn thị trường vượt ngưỡng 30.000 tỷ/phiên. Sự ra đời của 4 nghị quyết quan trọng bao gồm Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã thể hiện quyết tâm của Đảng và Chính phủ trong việc đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Quý

Trong các tháng tiếp theo của năm 2025, VN-Index dự kiến sẽ tiếp tục biến động mạnh. Tuy nhiên, với Đề án nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam của Chính phủ từ nay tới 2030, dự kiến thị trường chứng khoán sẽ phát triển dài hạn cả về chất và lượng, từ đó mở ra cơ hội đầu tư cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm do công ty chứng khoán phát hành, được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Chứng quyền có bảo đảm được đưa ra nhằm đa dạng hóa sản phẩm cho thị trường chứng khoán cũng như giúp nhà đầu tư tận dụng các cơ hội khi thị trường có biến động mạnh để gia tăng hiệu suất đầu tư cũng như để phòng vệ rủi ro cho danh mục của mình. Giá chứng quyền phụ thuộc chủ yếu vào giá chứng khoán cơ sở, cung cầu chứng quyền trên thị trường và một số yếu tố khác. Là sản phẩm có tính đòn bẩy cao, nhà đầu tư có thể bỏ ra số tiền khá nhỏ so với phần lợi nhuận có thể nhận được, trong khi khoản lỗ tối đa được giới hạn ở số tiền bỏ ra ban đầu để mua chứng quyền. Ngoài ra, việc các tổ chức phát hành phải thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền này sau khi niêm yết cũng góp phần đảm bảo thanh khoản và biên độ giao dịch cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, do sản phẩm chứng quyền có những yếu tố rủi ro đặc thù nên nhà đầu tư cần tìm hiểu kỹ về sản phẩm, cân nhắc các lợi ích và rủi ro của sản phẩm này trước khi quyết định đầu tư.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (“Công ty” hoặc “LPBS”) được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh 104/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/02/2009 và các Giấy phép điều chỉnh, bổ sung. Hội sở chính đặt tại địa chỉ: Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43-45-47, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ hiện tại là: 12.668.000.000.000 đồng (Mười hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám tỷ đồng). Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập Công ty đến nay:

- Ngày 12/02/2009: Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex (tên viết tắt: VSI) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 104/UBCK-GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 12/02/2009 với 02 (hai) nghiệp vụ kinh doanh: Môi giới chứng khoán và Tự doanh chứng khoán. Vốn điều lệ là 125 tỷ đồng.

- Ngày 12/02/2009: Công ty được Chủ tịch UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số 41/UBCK-GCN ngày 12/02/2009.
- Ngày 20/04/2010: Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (tên viết tắt: LVS) theo Giấy phép điều chỉnh số 316/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 20/04/2010.
- Ngày 03/08/2010: Thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 621/QĐ-UBCK ngày 03/08/2010 của UBCKNN.
- Ngày 06/08/2013: Thay đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 462/QĐ-UBCK ngày 06/08/2013 của UBCKNN.
- Ngày 25/04/2016: Công ty tăng vốn điều lệ từ 125 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng.
- Ngày 24/10/2016: Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24/10/2016.
- Ngày 29/04/2021: Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/04/2021.
- Ngày 15/09/2023: Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (tên viết tắt: LPBS) theo Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 15/09/2023.
- Ngày 08/04/2024: Công ty là thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 13/QĐ-SGDVN ngày 08/04/2024.
- Ngày 08/04/2024: Công ty được kết nối giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 181/QĐ-SGDHCM ngày 08/04/2024.
- Ngày 09/04/2024: Công ty được kết nối giao dịch trực tuyến, giao dịch từ xa thị trường chứng khoán niêm yết và thị trường chứng khoán đăng ký giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 381/QĐ-SGDHN ngày 09/04/2024.
- Ngày 26/04/2024: Công ty tăng vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng lên 3.888 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/04/2024.
- Ngày 03/05/2024: Công ty được cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến cho Nhà đầu tư theo Quyết định số 492/QĐ-UBCK ngày 03/05/2024 của UBCKNN.
- Ngày 06/06/2024: Công ty được cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ theo Quyết định số 630/QĐ-UBCK ngày 06/06/2024 của UBCKNN.
- Ngày 06/06/2024: Công ty được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo Quyết định số 631/QĐ-UBCK ngày 06/06/2024 của UBCKNN.
- Ngày 09/07/2024: Công ty thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank – Chi nhánh Đà Nẵng theo Quyết định số 738/QĐ-UBCK ngày 09/07/2024 của UBCKNN.
- Ngày 15/08/2024: Công ty thay đổi địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 3, Cao ốc văn phòng, số 43-45-47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 15/08/2024.
- Ngày 31/10/2024: Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Lọc Phát Việt Nam (tên viết tắt: LPBS) theo Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/10/2024.

- Ngày 13/02/2025: Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (tên viết tắt: LPBS) theo Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/02/2025.
- Ngày 18/06/2025: Công ty thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank – Chi nhánh Cát Linh theo Quyết định số 304/QĐ-UBCK ngày 18/06/2025 của UBCKNN.
- Ngày 29/10/2025: Công ty tăng vốn điều lệ từ 3.888 tỷ đồng lên 12.668 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 118/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/10/2025.

Đến nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank đã được UBCKNN cấp Giấy phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán như: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.

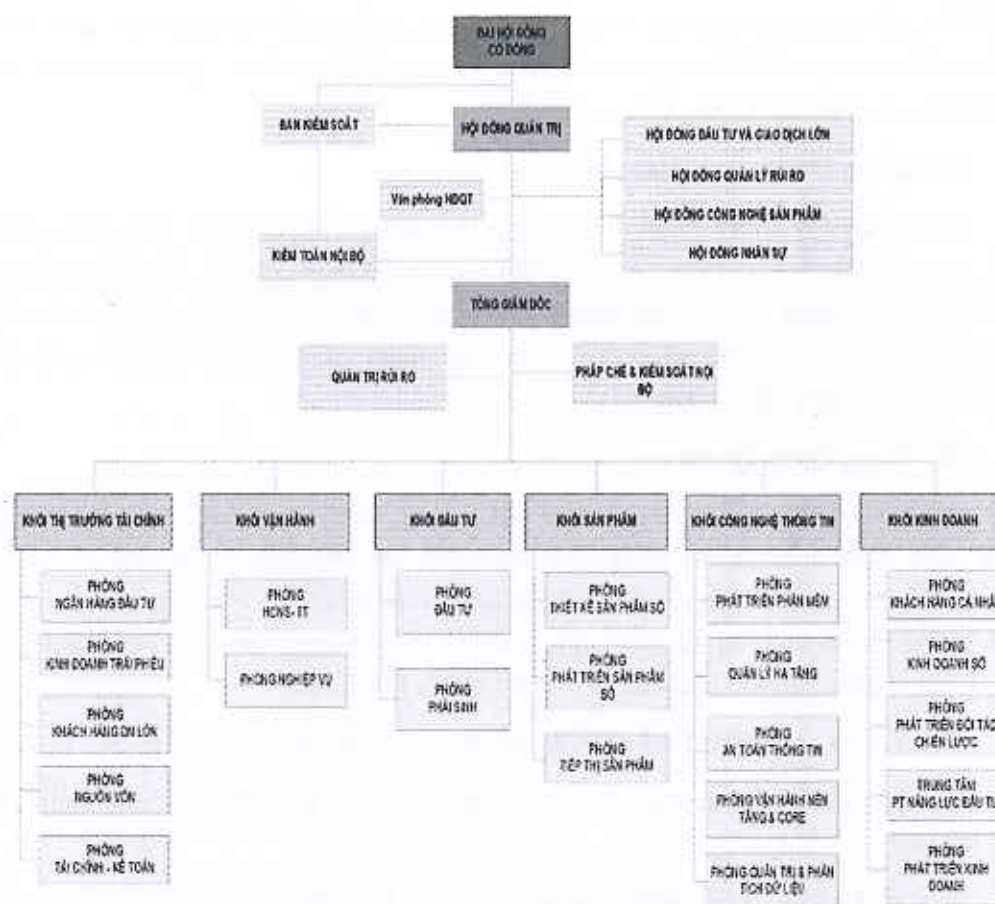
1.2. Cơ cấu tổ chức Công ty

- Công ty có Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh, 02 Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội và 01 Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng.
- Địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 3, Cao ốc văn phòng, số 43-45-47, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 2, LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và Số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ Chi nhánh Cát Linh: Tầng 3, Số 11A, Phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 1, Số 140 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Các công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết: Không có.

1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank thuộc loại hình công ty cổ phần, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHQĐ. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ cụ thể của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.

- Văn phòng Hội đồng quản trị

Văn phòng HDQT là bộ phận hỗ trợ công việc thuộc thẩm quyền của HDQT.

- Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Quyền hạn và nghĩa vụ cụ thể của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty.

- **Phòng Kiểm toán nội bộ**

Phòng Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Phòng Kiểm toán nội bộ có chức năng và nhiệm vụ sau: Đánh giá sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của

ĐHĐCĐ, HĐQT; Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với chính sách và quy trình nội bộ; Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ,... góp phần bảo đảm cho Công ty hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

- **Hội đồng Đầu tư và Giao dịch lớn**

Hội đồng đầu tư và Giao dịch lớn là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT, thực hiện đánh giá, phê duyệt các khoản đầu tư, cho vay thuộc thẩm quyền. Hội đồng đầu tư và Giao dịch lớn chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị, cá nhân trong Công ty xây dựng, hoàn thiện và tuân thủ các quy định pháp luật, quy trình thủ tục nội bộ về đầu tư, cho vay, nhằm đảm bảo minh bạch, hiệu quả và phù hợp quy định pháp luật.

- **Hội đồng Quản lý rủi ro**

Hội đồng Quản lý rủi ro là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc và các công việc khác theo sự phân công của HĐQT trong việc giám sát, quản lý rủi ro của LPBS, bao gồm: Chiến lược, chính sách, quy trình, khung quản lý rủi ro và hệ thống được LPBS thiết lập để nhận dạng, đánh giá, đo lường, theo dõi và kiểm soát các rủi ro trọng yếu. Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của LPBS.
- Nghiên cứu và tham mưu các quy định nội bộ về QTRR, theo phân cấp của HĐQT trong từng thời kỳ.
- Phân tích và cung cấp cảnh báo về các rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp ngăn chặn rủi ro.
- Kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả và hiệu lực của Phòng QTRR và của cả hệ thống QTRR đã được thiết lập trong LPBS.
- Kiểm soát việc triển khai thực hiện các chính sách, hạn mức rủi ro, quy định, nguyên tắc, bộ tiêu chí, phân quyền quản lý và phê duyệt rủi ro, các tham số và mô hình quản trị rủi ro.
- Các công việc khác do HĐQT phân công, giao thẩm quyền từng thời kỳ và các công việc thuộc trách nhiệm quyền hạn của Hội đồng Quản lý rủi ro được quy định theo các văn bản nội bộ liên quan của LPBS.

- **Hội đồng Công nghệ sản phẩm**

Hội đồng Công nghệ sản phẩm là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến công nghệ và sản phẩm tại LPBS.

- **Hội đồng nhân sự**

Hội đồng Nhân sự là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng về quản trị nhân sự, nhằm xây dựng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển của LPBS.

- **Tổng giám đốc**

Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty.

- **Phòng Quản trị rủi ro**

Phòng Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Tham mưu và tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro tổng thể trong toàn công ty, thiết lập cơ chế nhận diện, đo lường, kiểm soát và giám sát rủi ro đối với từng hoạt động nghiệp vụ; bảo đảm sự ổn định tài chính và năng lực chống chịu của công ty trước các biến động thị trường và vận hành nội bộ.
- (ii) Tham mưu cho Ban Điều hành trong việc xây dựng chính sách, chiến lược quản trị rủi ro tổng thể, các tiêu chuẩn nhận diện, đánh giá rủi ro theo từng mức độ trong toàn Công ty cũng như từng bộ phận cụ thể: Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro bao gồm khung quản trị rủi ro và khẩu vị rủi ro tại Công ty; Xây dựng chính sách rủi ro đảm bảo các rủi ro trọng yếu được phát hiện kịp thời và được kiểm soát hiệu quả, báo cáo kịp thời cho HĐQT và Ban Điều hành; Xây dựng quy trình quản trị rủi ro cho từng hoạt động và toàn Công ty; Xây dựng phương pháp xác định và đo lường rủi ro, phù hợp với hoạt động kinh doanh, hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ, và các mốc cảnh báo khi vượt quá ngưỡng chịu rủi ro; Xây dựng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro dựa trên các loại rủi ro xác định; Đề xuất chính sách xử lý rủi ro, chính sách xử lý nợ xấu, chính sách ứng phó và khắc phục thảm họa; Xây dựng kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục.
- (iii) Thực hiện đánh giá độc lập tính phù hợp và tuân thủ chính sách, quy trình quản trị rủi ro, bao gồm: Triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình và hạn mức rủi ro; thiết lập các hoạt động kiểm soát nội bộ phù hợp với chính sách và mức rủi ro được HĐQT phê duyệt; Tham gia cung cấp ý kiến đánh giá độc lập đối với các quyết định kinh doanh có rủi ro trọng yếu, nhằm hỗ trợ Ban Điều hành quyết định trên cơ sở phân tích rủi ro toàn diện, khách quan và minh bạch; Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, biểu mẫu báo cáo và quy trình phục vụ vận hành hệ thống quản trị rủi ro; Giám sát, theo dõi thực hiện chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, và quy trình xử lý rủi ro theo quyết định của HĐQT; Rà soát, điều chỉnh mô hình đánh giá hệ thống quản trị rủi ro theo các chuẩn mực phù hợp với từng bộ phận nghiệp vụ; Đề xuất và triển khai biện pháp xử lý phù hợp với rủi ro có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động tài chính, danh tiếng và tuân thủ pháp lý của tổ chức; Theo dõi, đánh giá mức độ rủi ro thường xuyên, đặc biệt các rủi ro trọng yếu; Đánh giá mức độ thiệt hại tiềm ẩn và xác suất xảy ra tổn thất do rủi ro gây ra; Kiểm soát mức độ rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh không vượt quá ngưỡng chấp nhận rủi ro.
- (iv) Kiểm tra, xem xét và đánh giá độ đầy đủ, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro định kỳ hoặc theo yêu cầu của HĐQT, bao gồm: Báo cáo HĐQT về kết quả kiểm soát, đánh giá tính phù hợp của hệ thống quản trị rủi ro; Đề xuất điều chỉnh, cập nhật quy định về quản trị rủi ro; Tuyên truyền, đào tạo về các mục tiêu quản trị rủi ro và nâng cao nhận thức về rủi ro đến toàn nhân viên của Công ty.
- (v) Thực hiện các công việc liên quan khác theo phân công của Ban Điều hành.

- **Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ**

Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc, gồm có 2 Bộ phận:

Bộ phận Pháp chế có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Tư vấn pháp lý và kiểm soát tuân thủ trong toàn bộ hoạt động của LPBS. Đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh và vận hành của Công ty đều tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành và các quy định nội bộ, đồng thời phòng ngừa, giảm thiểu các rủi ro pháp lý.

(ii) Tư vấn pháp lý: Tư vấn các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động quản lý điều hành, kinh doanh và đầu tư của công ty; thiết kế cấu trúc pháp lý cho các sản phẩm, dịch vụ, giao dịch của công ty; Thẩm định, rà soát và soạn thảo tài liệu: Rà soát và thẩm định các văn bản nội bộ, hợp đồng, giao dịch với đối tác, tự soạn thảo, phối hợp với đơn vị ngoài hoặc hỗ trợ các phòng ban trong việc soạn thảo tài liệu, hợp đồng phục vụ các nghiệp vụ kinh doanh; Hoạt động tố tụng: Hỗ trợ các phòng ban trong các thủ tục tố tụng để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty; xử lý, giải quyết tranh chấp, khiếu nại liên quan giữa công ty và các tổ chức, cá nhân bên ngoài; phối hợp với đối tác bên ngoài và phòng ban nội bộ trong xử lý tranh chấp; Cập nhật và hệ thống hóa văn bản pháp lý: Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của công ty, đánh giá tác động của các văn bản pháp lý mới hoặc sửa đổi đối với hoạt động quản lý, điều hành và kinh doanh của công ty; Tuyên truyền pháp luật: Cập nhật và phổ biến văn bản quy phạm pháp luật cho các phòng ban, tổ chức hoạt động tuyên truyền trong công ty để phục vụ cho các nghiệp vụ pháp lý; Chuẩn bị và gửi hồ sơ pháp lý đến cơ quan quản lý: Chuẩn bị, rà soát và gửi các hồ sơ pháp lý đến cơ quan quản lý như UBCKNN, VSDC, SGDCK. Đảm bảo hồ sơ đầy đủ, kịp thời và tuân thủ các quy định. Phối hợp với các phòng ban trong việc thu thập thông tin cần thiết và theo dõi, lưu trữ hồ sơ đã gửi; Công bố thông tin: Tiếp nhận và gửi báo cáo công bố thông tin theo quy định của pháp luật và cơ quan quản lý. Đảm bảo các báo cáo công bố thông tin chính xác và đồng nhất, đồng thời cập nhật thông tin lên trang web công ty; Các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Điều hành.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Làm đầu mối giám sát việc tuân thủ pháp luật, quy định quản lý ngành chứng khoán và quy chế nội bộ: chủ động kiểm soát và cảnh báo các hành vi, quy trình có nguy cơ vi phạm, đảm bảo công ty vận hành đúng định hướng quản trị minh bạch, chuẩn mực và có trách nhiệm.
- (ii) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của HĐQT, các quy chế, quy trình nghiệp vụ của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty; Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty. Giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền; Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp; Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính; Kiểm soát các nội dung tách biệt, bảo quản và lưu giữ tài sản của khách hàng theo quy định của pháp luật; Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; Kiểm soát sau, khuyến nghị và theo dõi khắc phục các rủi ro phát sinh trong quá trình kiểm soát nội bộ các nghiệp vụ của công ty theo phân công của Ban Điều hành.

Khối Thị trường tài chính

Cơ cấu Khối thị trường tài chính gồm có 5 Phòng.

• Phòng Ngân hàng đầu tư

Phòng Ngân hàng Đầu tư có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, quản trị doanh nghiệp cho khách hàng và tham mưu, tư vấn tài chính doanh nghiệp cho nội bộ công ty.
- (ii) Tìm kiếm, phát triển mối quan hệ với khách hàng, đàm phán và tổ chức triển khai hợp đồng/dự án tư vấn tài chính cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quy định, quy chế,

quy trình của Công ty, bao gồm: Nghiệp vụ tư vấn Thị trường vốn và nghiệp vụ tư vấn Thị trường nợ, Tư vấn M&A và Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp khác; Làm đầu mối tổ chức thực hiện các nghiệp vụ tư vấn tài chính của chính nội bộ Công ty như: ĐHĐCĐ, trả cổ tức, tăng vốn, phát hành trái phiếu, công bố thông tin,...; Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng, cải tiến các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ; các bản giới thiệu dịch vụ liên quan đến hoạt động Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp; Thực hiện các báo cáo hoạt động nghiệp vụ Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Điều hành.

- **Phòng Kinh doanh trái phiếu**

Phòng kinh doanh trái phiếu có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Phòng kinh doanh trái phiếu có chức năng tìm kiếm và triển khai các hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu hiệu quả và phù hợp quy định, chiến lược của Công ty.
- (ii) Tìm kiếm, đánh giá và đề xuất cơ hội đầu tư và trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu của các định chế tài chính; phối hợp với các đơn vị đánh giá tín nhiệm, tư vấn độc lập để thẩm định trước khi trình phê duyệt; Tìm kiếm và thực hiện các giao dịch trung gian phát hành, phân phối trái phiếu, bao gồm cả hoạt động bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp; Triển khai thực hiện các phương án đầu tư và kinh doanh trái phiếu đã được phê duyệt, bao gồm cả hoạt động đầu tư tự doanh và phân phối cho khách hàng cá nhân, tổ chức; Quản lý danh mục đầu tư trái phiếu, theo dõi hiệu quả, rủi ro và tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định nội bộ và pháp luật; Theo dõi và quản lý số dư trái phiếu trong toàn hệ thống, đảm bảo không vượt hạn mức đầu tư theo từng loại trái phiếu, đúng quy định pháp luật và các nghị quyết đầu tư đã được phê duyệt; Nghiên cứu, xây dựng, thiết kế, triển khai sản phẩm bán lẻ trái phiếu; Phối hợp với tổ chức phát hành, các đơn vị cung cấp dịch vụ, Phòng Vận hành để xây dựng và vận hành sản phẩm trái phiếu phù hợp với từng phân khúc khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức, khách hàng định chế tài chính,...; Tham gia phối hợp xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, nền tảng và giao diện phục vụ hoạt động đầu tư, quản lý và phân phối trái phiếu hiệu quả, số hóa quy trình vận hành,...; Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự gồm tuyển dụng, đào tạo, đánh giá và phát triển đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu về đầu tư và kinh doanh trái phiếu, đảm bảo chất lượng và uy tín trên thị trường; Nghiên cứu, đề xuất và cải tiến các quy chế, quy trình nội bộ liên quan đến hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ thị trường; Tham mưu cho Ban Điều Hành về các nghiệp vụ thuộc phạm vi hoạt động của phòng, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, chuẩn mực quản trị rủi ro và định hướng chiến lược của tổ chức; Phân tích thị trường trái phiếu, xu hướng lãi suất, dòng tiền, hành vi nhà đầu tư, cập nhật chính sách vĩ mô ảnh hưởng đến thị trường để đưa ra định hướng kinh doanh phù hợp; Hỗ trợ xây dựng và phát triển sản phẩm trái phiếu linh hoạt: cấu trúc sản phẩm theo nhu cầu thị trường, tích hợp trái phiếu vào các gói sản phẩm đầu tư tài chính toàn diện; Thực hiện các báo cáo nghiệp vụ định kỳ và đột xuất gửi các cấp quản lý theo yêu cầu; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Điều Hành liên quan Trái phiếu.

- **Phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn**

Phòng khách hàng doanh nghiệp lớn có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Phòng khách hàng doanh nghiệp lớn có chức năng tìm kiếm, phát triển mối quan hệ với khách hàng doanh nghiệp lớn, đàm phán và tổ chức triển khai các sản phẩm cổ phiếu, chứng quyền, phái sinh,... theo quy định của pháp luật và quy định, quy chế, quy trình của Công ty.
- (ii) Phát triển kinh doanh khách hàng doanh nghiệp lớn có cơ chế đặc thù, điều kiện riêng, khối

lượng giao dịch lớn; Gia tăng bán các sản phẩm tài chính: kinh doanh tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, chứng quyền, phái sinh,... của công ty với khách hàng lớn; Xây dựng sản phẩm cấu trúc tài chính, biểu phí, lãi suất margin/ứng trước đặc thù riêng nhằm thúc đẩy bán với đối tượng khách hàng doanh nghiệp lớn; Tổ chức vận hành, lưu trữ hồ sơ và quản lý danh mục khách hàng doanh nghiệp lớn của Công ty.

- **Phòng Nguồn vốn**

Phòng nguồn vốn có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Phòng nguồn vốn có chức năng huy động vốn, quản lý thanh khoản và đề xuất, triển khai các hoạt động kinh doanh tiền tệ hiệu quả, phù hợp quy định.
- (ii) Quản lý thanh khoản: Quản lý cơ cấu tài sản nợ - có, cơ cấu nguồn vốn phục vụ cho mục đích đảm bảo tối ưu hiệu quả sử dụng nguồn vốn, quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và tuân thủ các quy định an toàn vốn của Công ty và của UBCKNN,...; Huy động vốn: Xây dựng, đề xuất và phối hợp triển khai kế hoạch huy động vốn ngắn, trung, dài hạn qua các hình thức như vay vốn ngân hàng, phát hành trái phiếu, tăng vốn, các sản phẩm, chính sách gia tăng nguồn tiền của khách hàng cá nhân, doanh nghiệp,...; Kinh doanh tiền tệ: Kinh doanh cơ hội biến động lãi suất/tỷ giá trên thị trường tiền tệ thông qua các giao dịch tiền gửi, tiền vay (Funding & Capping), Kinh doanh các sản phẩm cấu trúc về lãi suất, tỷ giá trên thị trường,...; Quản trị hoạt động: Xây dựng hạn mức, quy trình và các nguyên tắc quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động nguồn vốn bao gồm hạn mức đầu tư tiền gửi, mua bán Giấy tờ có giá (GTCG),....

- **Phòng Tài chính Kế toán**

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Tổ chức thực hiện các công tác kế toán tập trung của toàn Công ty đảm bảo phản ánh chính xác, khách quan tình hình tài chính công ty, tuân thủ theo chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp luật.
- (ii) Xây dựng và quản lý việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, theo dõi hiệu quả tài chính, quản trị các sản phẩm/dự án theo yêu cầu của Ban Điều Hành.
- (iii) Công tác kế toán tập trung: Triển khai công tác hạch toán kế toán đảm bảo ghi chép đầy đủ và kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của Công ty, tuân thủ theo chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp luật; Thực hiện các nghĩa vụ lập các Báo cáo tài chính, nghĩa vụ thuế của Công ty theo quy định và đúng thời hạn và tự chịu trách nhiệm trước Ban Lãnh đạo Công ty, trước pháp luật về số liệu báo cáo; Quản lý các tài khoản của Công ty và tài khoản chuyên dụng của khách hàng tại các ngân hàng; quản lý các báo cáo đối chiếu tiền, các khoản nợ phải thu của toàn Công ty để đề xuất các phương án trích lập dự phòng, phù hợp với các quy định tài chính;....
- (iv) Quản trị tài chính và kế hoạch: Đầu mối tổng hợp, lập và quản lý kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo; Giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty; báo cáo Ban Điều Hành kết quả thực hiện so với kế hoạch và đề xuất điều chỉnh kế hoạch phù hợp với thực tế; Phân tích hiệu quả tài chính của từng bộ phận và toàn Công ty; kiểm soát chi phí hoạt động của công ty, tham mưu cho Ban Điều Hành trong việc đưa ra các quyết định quản lý; Tham mưu cho Ban Điều Hành trên phương diện tài chính về hiệu quả sản phẩm dịch vụ mới trong giai đoạn nghiên cứu và theo dõi đánh giá hiệu quả tài chính cho từng sản phẩm khi triển khai thực tế.

Khối Vận hành

Cơ cấu Khối vận hành gồm có 2 Phòng.

• Phòng Nghiệp vụ

Phòng Nghiệp vụ có chức năng và nhiệm vụ:

(i) Quản lý và vận hành dịch vụ khách hàng và giao dịch chứng khoán; Quản lý thông tin và tài khoản giao dịch khách hàng; Thực hiện nghiệp vụ lưu ký, thanh toán bù trừ và chuyển quyền sở hữu chứng khoán; Vận hành và phát triển sản phẩm tài chính; Giám sát rủi ro và tuân thủ nghiệp vụ; Hỗ trợ kinh doanh và phối hợp liên đơn vị.

(ii) Cung cấp và quản lý dịch vụ chăm sóc khách hàng: Hướng dẫn khách hàng mở tài khoản, sử dụng hệ thống giao dịch, nộp rút tiền, quản lý tài sản. Tiếp nhận, xử lý và phản hồi các yêu cầu, thắc mắc của khách hàng,...; Quản lý thông tin và tài khoản giao dịch khách hàng; Tổ chức, vận hành và kiểm soát hoạt động giao dịch chứng khoán; Thực hiện nghiệp vụ lưu ký, thanh toán bù trừ và chuyển quyền sở hữu; Giám sát, xây dựng và cập nhật quy trình, quy định nghiệp vụ và đảm bảo tuân thủ pháp lý; Vận hành sản phẩm tài chính cổ phiếu và chứng khoán phái sinh; Vận hành sản phẩm trái phiếu và các loại chứng khoán khác;....

• Phòng Hành chính Nhân sự - Truyền thông

Phòng Hành chính Nhân sự và Truyền thông có chức năng và nhiệm vụ:

(i) Tham mưu Chủ tịch HĐQT và TGD về việc tổ chức, chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các công tác liên quan hành chính, văn phòng, văn thư, lưu trữ, cơ sở vật chất, lễ tân, khánh tiết, mua sắm văn phòng,...;

(ii) Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT, TGD Công ty các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoạt động nhân sự, truyền thông nội bộ và gắn kết đội ngũ; Tham mưu xây dựng, vận hành mô hình tổ chức toàn Công ty; Thực hiện quản lý nhân sự toàn Công ty đối với các công tác về vận hành nhân sự, phát triển tổ chức và văn hóa doanh nghiệp, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Thực hiện, giám sát, đo lường và cải tiến tất cả các hoạt động liên quan đến quản trị nguồn nhân lực trong toàn Công ty.

(iii) Xây dựng và đề xuất chi phí hành chính đúng với nhu cầu thực tế; Quản lý và đảm bảo các chi phí hành chính được sử dụng tiết kiệm và hiệu quả; Quản lý và cấp phát đối với thiết bị văn phòng (máy lạnh, bàn ghế, công cụ dụng cụ, bảo hộ lao động,...); Mua sắm, cấp phát văn phòng phẩm, vật tư trang thiết bị văn phòng cho các Phòng ban (trừ các thiết bị CNTT); Giải quyết công văn đi và đến; Quản lý con dấu và đảm bảo việc sử dụng đóng dấu đúng quy định; Quản lý và lưu trữ hồ sơ/tài liệu của Công ty, Văn bản lập quy;.....

(iv) Quản lý và thực hiện hiệu quả tất cả các hoạt động liên đến Nhân sự, bao gồm: tham vấn, định hướng BOD xây dựng cơ cấu tổ chức của Công ty và các Phòng, Ban; xây dựng cấu trúc nhân sự, quản lý tài năng, lập kế hoạch kế thừa, đào tạo và phát triển, khen thưởng và kỷ luật, quản lý hiệu suất, chính sách phúc lợi, quan hệ nhân viên, tuân thủ luật lao động; Tư vấn, giám sát việc xây dựng/triển khai các hệ thống, các quy chế, quy trình, quy định nhân sự nhằm đảm bảo thực hiện tốt các chức năng quản lý, và tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp/hiệu quả; Đề xuất, giám sát việc xây dựng, triển khai thực hiện hệ thống chính sách nhân sự (lương, thưởng, phúc lợi,...); Xây dựng và giám sát việc thực thi chiến lược phát triển văn hóa Công ty; gắn kết nhân sự và chiến lược đào tạo & phát triển nguồn lực nội bộ; Xây dựng và thiết lập mục tiêu công việc OKRs và các chỉ số đo lường KPIs và hệ thống đánh giá hiệu quả công việc;....

Khối Đầu tư

Cơ cấu Khối đầu tư gồm có 2 Phòng.

• **Phòng Đầu tư**

Phòng Đầu tư có chức năng và nhiệm vụ:

(i) Quản lý doanh mục đầu tư tự doanh: Triển khai hoạt động đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, phái sinh,...; xây dựng chiến lược đầu tư phù hợp với định hướng và khẩu vị rủi ro của Công ty; Phân tích đánh giá cơ hội đầu tư: Nghiên cứu thị trường, ngành và doanh nghiệp để tìm kiếm cơ hội đầu tư; phối hợp với các phòng ban chuyên môn để cập nhật dữ liệu và xu hướng; Quản trị rủi ro đầu tư: Thiết lập hệ thống kiểm soát rủi ro trong quyết định đầu tư; tuân thủ giới hạn đầu tư theo quy định nội bộ và pháp luật; Xây dựng và triển khai chiến lược đầu tư: Lập kế hoạch đầu tư trung, dài hạn; theo dõi, báo cáo hiệu quả danh mục và điều chỉnh chiến lược khi cần thiết; Tư vấn và tham gia đầu tư chiến lược: Đề xuất, thẩm định các thương vụ M&A, góp vốn, hợp tác đầu tư; đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư chiến lược của công ty.

(ii) Xây dựng và triển khai chiến lược đầu tư dài hạn, định hướng phân bổ vốn theo chu kỳ kinh tế, ngành trọng điểm và mục tiêu phát triển bền vững của công ty; Phát triển danh mục đầu tư ổn định, sinh lời dài hạn, tập trung vào tài sản có dòng tiền tốt, tăng trưởng bền vững và rủi ro được kiểm soát; Tìm kiếm và thực hiện các cơ hội đầu tư chiến lược, như góp vốn vào doanh nghiệp tiềm năng, dự án lớn hoặc thương vụ M&A; Thiết lập hệ thống đánh giá hiệu quả đầu tư toàn diện, áp dụng các chỉ số định lượng và định tính theo dõi và cải tiến hiệu suất đầu tư; Chuẩn hóa quy trình và chính sách quản trị đầu tư nội bộ, đảm bảo minh bạch, tuân thủ pháp luật và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn; Phát triển đội ngũ nhân sự đầu tư chuyên nghiệp, đào tạo chuyên sâu về phân tích tài chính, quản lý và vận hành danh mục đầu tư; Xây dựng mối quan hệ dài hạn với đối tác tài chính, bao gồm các quỹ đầu tư, ngân hàng, tổ chức trong và ngoài nước để mở rộng cơ hội hợp tác; Ứng dụng công nghệ vào hoạt động đầu tư, như AI, Big Data và hệ thống phân tích, nhằm nâng cao tốc độ và chất lượng ra quyết định đầu tư.

• **Phòng Phái sinh**

Phòng Phái sinh có chức năng và nhiệm vụ:

(i) Triển khai hoạt động kinh doanh và giao dịch sản phẩm phái sinh: Thực hiện nghiệp vụ kinh doanh hợp đồng tương lai (VN30, trái phiếu chính phủ); Phát triển sản phẩm và chiến lược giao dịch: Nghiên cứu, xây dựng chiến lược giao dịch phù hợp cho từng nhóm nhà đầu tư; đề xuất phát triển công cụ phái sinh mới theo quy định của pháp luật; Quản lý rủi ro giao dịch phái sinh: Theo dõi, cảnh báo rủi ro vị thế; đảm bảo tuân thủ các quy định về ký quỹ, giới hạn vị thế và xử lý vi phạm theo yêu cầu từ SGDCK và VSDC; Tư vấn và đào tạo khách hàng: Cung cấp thông tin, báo cáo phân tích giao dịch; tổ chức đào tạo, hội thảo giúp khách hàng nắm bắt và sử dụng hiệu quả sản phẩm phái sinh; Phối hợp vận hành và tuân thủ pháp lý: Làm việc với bộ phận vận hành, IT và kiểm soát rủi ro để đảm bảo quy trình giao dịch suôn sẻ; cập nhật và thực hiện đúng các quy định pháp lý hiện hành.

(ii) Phát triển sản phẩm phái sinh mới nhằm đa dạng hóa danh mục và đáp ứng nhu cầu thị trường; Mở rộng thị phần môi giới phái sinh thông qua nâng cao chất lượng dịch vụ và thu hút thêm khách hàng mới; Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro chuyên sâu nhằm giám sát và kiểm soát hiệu quả rủi ro trong giao dịch phái sinh; Tăng cường ứng dụng công nghệ vào giao dịch và phân tích dữ liệu để nâng cao hiệu suất và độ chính xác; Đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên viên phái sinh có chuyên môn cao và kỹ năng nghiệp vụ vững vàng; Hợp tác với các đối tác chiến lược trong

và ngoài nước để chia sẻ công nghệ, phát triển sản phẩm mới và mở rộng thị trường; Nâng cao khả năng hỗ trợ khách hàng tổ chức thông qua dịch vụ tư vấn phái sinh chuyên biệt và giải pháp tùy chỉnh; Đảm bảo tuân thủ pháp lý bền vững trong hoạt động phái sinh bằng việc thực thi nghiêm ngặt các quy định pháp luật và duy trì văn hóa tuân thủ.

Khối Sản phẩm

Cơ cấu Khối Sản phẩm gồm có 3 Phòng.

- **Phòng Thiết kế sản phẩm số**

Phòng Thiết kế sản phẩm số có chức năng và nhiệm vụ:

(i) Xây dựng và thiết kế sản phẩm tài chính trên nền tảng số: Thiết kế giải pháp sản phẩm tài chính từ góc nhìn người dùng, đảm bảo sản phẩm dễ hiểu – dễ tiếp cận – dễ hành động, phù hợp với nhu cầu thị trường đại chúng và định vị thương hiệu của công ty; Thiết kế trải nghiệm người dùng (UX) và giao diện số (UI): Chịu trách nhiệm nghiên cứu hành vi người dùng, thiết kế hành trình số (User Journey Mapping) và xây dựng trải nghiệm sử dụng trực quan, thống nhất trên tất cả các nền tảng (Web, Mobile,...); Đóng vai trò Product Owner trong phân tích nghiệp vụ và số hóa dịch vụ: Thực hiện thu thập yêu cầu nghiệp vụ, đặc tả hệ thống, tham gia xây dựng các luồng xử lý (business logic) để số hóa các dịch vụ tài chính thành sản phẩm tự phục vụ (self-service) trên nền tảng số; Tham mưu chiến lược sản phẩm lấy người dùng làm trung tâm: Phối hợp với Giám đốc Khối trong việc đề xuất hướng phát triển sản phẩm số, cải tiến trải nghiệm, và xác lập chuẩn mực UX trên toàn bộ chuỗi dịch vụ; Kết nối liên phòng để đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả sản phẩm: Làm đầu mối kết nối giữa phòng Marketing, Phát triển và các bộ phận chuyên môn khác để đảm bảo sản phẩm được truyền thông hiệu quả, triển khai đúng định hướng nghiệp vụ và được hiện thực hóa một cách chuẩn xác trên nền tảng kỹ thuật.

(ii) Phòng Thiết kế Sản phẩm số thực hiện các công việc cụ thể để đảm bảo các sản phẩm tài chính được đóng gói phù hợp với khách hàng mục tiêu, thiết kế giao diện trực quan, trải nghiệm người dùng tối ưu và phù hợp với định hướng sản phẩm. Đóng gói sản phẩm tài chính số: Phối hợp với các bộ phận tài chính & đầu tư của Công ty, đề xuất giá trị sản phẩm, thiết kế cơ chế chính sách sản phẩm, quản lý PnL các cơ chế chính sách sản phẩm; Thiết kế giao diện và trải nghiệm số: Thiết kế các màn hình, luồng thao tác và tương tác người dùng trên nền tảng Web/App, bảo đảm tính trực quan, thân thiện, dễ sử dụng và nhất quán với nhận diện thương hiệu; Xây dựng hệ thống thiết kế chuẩn hóa: Duy trì và cập nhật hệ thống thiết kế (Design System) và bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng, nhằm đảm bảo tính thống nhất xuyên suốt tất cả sản phẩm số; Xây dựng cơ sở dữ liệu hành vi người dùng, phục vụ cho phân tích định kỳ và dự đoán xu hướng trải nghiệm; Tham gia kiểm thử sản phẩm: Tham gia nghiệm thu sản phẩm như một end-user để đảm bảo tính sẵn sàng và hiệu quả trước khi ra mắt.

- **Phòng Phát triển sản phẩm số**

Phòng Phát triển sản phẩm số có chức năng và nhiệm vụ:

(i) Phòng Phát triển Sản phẩm số có trách nhiệm hiện thực hóa ý tưởng và thiết kế thành các ứng dụng số trên nền tảng Mobile và Website, nhằm phục vụ nhóm khách hàng đại chúng. Phòng đảm bảo việc triển khai kỹ thuật và phát triển sản phẩm diễn ra ổn định, hiệu quả, có khả năng mở rộng, qua đó hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh của tổ chức. Triển khai và phát triển các sản phẩm số (Web/App) của công ty một cách nhanh chóng, ổn định và an toàn, đảm bảo hiện thực hóa các ý tưởng sản phẩm và trải nghiệm người dùng đã được thiết kế; Phát triển kiến trúc hệ thống linh hoạt và mở rộng, phục vụ cho chiến lược số hóa dịch vụ tài chính và

phát triển nền tảng số DIY cho khách hàng đại chúng; Ứng dụng phương pháp phát triển linh hoạt (Agile/Scrum) và tư duy tinh gọn (Lean Development) để tăng tốc độ ra mắt sản phẩm, liên tục thử nghiệm và cải tiến dựa trên phản hồi thị trường; Phối hợp chặt chẽ với các phòng Thiết kế và Marketing để đảm bảo sản phẩm phát triển đúng định hướng nghiệp vụ, công nghệ và mục tiêu kinh doanh; Tích hợp hệ thống core giao dịch: Kết nối các sản phẩm số với các hệ thống core nội bộ và dịch vụ bên ngoài nhằm tạo ra luồng dịch vụ liền mạch, nâng cao hiệu quả dịch vụ sản phẩm; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới phù hợp: Tận dụng các giải pháp công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo AI để nâng cao chất lượng dịch vụ số và năng lực cạnh tranh.

(ii) Phòng Phát triển Sản phẩm số thực hiện các công việc kỹ thuật cụ thể để xây dựng, triển khai và duy trì hai sản phẩm chính là ứng dụng mobile app và nền tảng webtrade, phục vụ tập khách hàng đại chúng với mục tiêu đảm bảo tính tiện lợi, ổn định và khả năng tiếp cận cao. Triển khai phát triển sản phẩm số toàn diện, linh hoạt và đúng tiến độ; Phát triển và chuẩn hóa năng lực kỹ thuật nội bộ; Thiết kế và phát triển kiến trúc hệ thống bền vững, có khả năng mở rộng; Thiết lập và vận hành hệ thống giám sát theo thời gian thực; Tăng cường bảo mật và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật; Phối hợp phát triển hệ sinh thái dữ liệu nội bộ; Đồng hành cùng các phòng ban khác trong triển khai chiến lược kinh doanh số.

- **Phòng Tiếp thị sản phẩm**

Phòng Tiếp thị sản phẩm có chức năng và nhiệm vụ:

(i) Phòng Tiếp thị sản phẩm chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai các chiến lược marketing nhằm tăng cường nhận diện thương hiệu, mở rộng phạm vi tiếp cận khách hàng mục tiêu và thúc đẩy tăng trưởng người dùng trên nền tảng số; Xây dựng và triển khai chiến lược tiếp thị sản phẩm số; Tăng độ phủ và chuyển đổi người dùng qua các kênh digital; Tối ưu hiệu quả tiếp thị dựa trên dữ liệu (data-driven marketing); Phối hợp với các phòng ban để xây dựng thông điệp truyền thông sản phẩm nhất quán và có sức lan tỏa.

(ii) Phòng Tiếp thị sản phẩm thực hiện các công việc cụ thể nhằm quảng bá sản phẩm số, mở rộng phạm vi tiếp cận khách hàng và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh. Lập kế hoạch truyền thông cho sản phẩm theo từng giai đoạn ra mắt và tăng trưởng; Viết nội dung marketing (landing page, bài viết blog, post MXH,...), triển khai quảng cáo và đo lường hiệu quả chiến dịch; Thu thập và phân tích dữ liệu thị trường, xu hướng người dùng, và hiệu suất chiến dịch để đề xuất cải tiến; Xây dựng chiến lược định vị và phát triển thương hiệu sản phẩm số dài hạn; Phát triển hệ thống đo lường chỉ số marketing (digital performance metrics); Nghiên cứu chuyên sâu về thị trường mục tiêu và hành vi tiêu dùng để định hướng sản phẩm phù hợp; Xây dựng chiến lược đa kênh truyền thông.

Khối Công nghệ thông tin

Cơ cấu Khối Công nghệ thông tin gồm có 5 Phòng.

- **Phòng Phát triển phần mềm**

Phòng Phát triển phần mềm có chức năng và nhiệm vụ:

(i) Phát triển hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán và vận hành nội bộ, bao gồm thiết kế, xây dựng và nâng cấp các ứng dụng và nền tảng công nghệ; Triển khai và tích hợp nghiệp vụ bằng cách phối hợp với các khối chức năng để thu thập yêu cầu và phát triển giải pháp phần mềm phù hợp với quy trình và mục tiêu công ty; Quản lý chất lượng, thực hiện kiểm thử, phối hợp giám sát hiệu suất và xử lý sự cố nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định

và hiệu quả; Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng (UI/UX) giúp nâng cao tính thân thiện, dễ sử dụng cho cả khách hàng và người dùng nội bộ; Tương tác và hỗ trợ kỹ thuật với đối tác công nghệ, phối hợp triển khai các hệ thống, API hoặc giải pháp phần mềm đảm bảo tương thích và tối ưu vận hành.

(ii) Xây dựng và duy trì kiến trúc phần mềm tổng thể, bảo đảm tính mở rộng, linh hoạt và phù hợp với chiến lược hóa hóa dài hạn của công ty; Phát triển các nền tảng và hệ thống phần mềm lõi phục vụ nghiệp vụ chứng khoán, hướng đến tự chủ công nghệ và tối ưu hiệu quả vận hành; Chuẩn hóa quy trình phân tích nghiệp vụ, thiết lập framework phân tích chuyên sâu nhằm hỗ trợ hoạch định sản phẩm phần mềm sát với nhu cầu kinh doanh; Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm phần mềm theo chuẩn quốc tế (như ISO, CMMI), đảm bảo kiểm soát rủi ro và năng lực phát triển; Đầu tư phát triển đội ngũ thiết kế UI/UX chuyên sâu, xây dựng tiêu chuẩn thiết kế và trải nghiệm người dùng nhất quán trên toàn hệ thống; Ứng dụng công nghệ mới (AI, microservices, low-code, DevOps,...) vào quá trình phát triển phần mềm, tạo nền tảng linh hoạt và hiện đại; Xây dựng thư viện dùng chung, tài liệu hóa hệ thống và tri thức nội bộ, phục vụ phát triển bền vững và dễ dàng chuyển giao trong nội bộ công ty.

- **Phòng Quản lý hạ tầng**

Phòng Quản lý hạ tầng có chức năng và nhiệm vụ:

(i) Triển khai, vận hành và giám sát hạ tầng CNTT và cơ sở dữ liệu (CSDL) tại Data Center (DC), Hội sở, Chi nhánh và môi trường Cloud, đảm bảo hoạt động ổn định và hiệu quả; Quản lý an toàn và hiệu năng hệ thống, bao gồm sao lưu – khôi phục dữ liệu định kỳ, phòng chống sự cố, tấn công mạng, virus và truy cập trái phép; Vận hành, bảo trì hệ thống phần cứng, phòng máy và thiết bị CNTT, đồng thời hỗ trợ người dùng xử lý sự cố kỹ thuật liên quan đến hạ tầng; Phối hợp triển khai các dự án CNTT, quản lý ngân sách, quản lý đối tác, đánh giá hiệu quả hợp tác với đối tác và thực hiện đối soát – thanh toán chi phí công nghệ; Quản lý thời gian, thời hạn bảo hành, bảo dưỡng các thiết bị, phần mềm CNTT do khối CNTT quản lý; Ban hành quy trình, đào tạo nội bộ và cập nhật công nghệ mới, đảm bảo tuân thủ yêu cầu từ cơ quan quản lý như UBCKNN, HSX, HNX và phù hợp định hướng phát triển công ty.

(ii) Nâng cấp, mở rộng Hạ tầng DC đáp ứng định hướng, nhu cầu phát triển dịch vụ của công ty; Triển khai Hạ tầng Cloud đáp ứng lại nhu cầu tăng trưởng đột biến, tối ưu chi phí; Rà soát toàn bộ Hạ tầng, khắc phục các điểm tồn tại gây rủi ro cho hệ thống, từ đó đưa ra phương án khắc phục tạm thời và phương án dài hạn để triển khai; Xây dựng hệ thống giám sát đáp ứng việc vận hành và giám sát hệ thống Hạ tầng đảm bảo hoạt động liên tục, ổn định và an toàn, xử lý các sự cố kịp thời đáp ứng SLA; Vận hành và quản lý cơ sở dữ liệu (CSDL), thực hiện sao lưu định kỳ, đảm bảo tính toàn vẹn và sẵn sàng dữ liệu phục vụ các hệ thống nghiệp vụ; Theo dõi và xử lý yêu cầu hỗ trợ từ người dùng, đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và thời gian phản hồi theo SLA; Lập kế hoạch và thực hiện giám sát ngân sách hạ tầng CNTT, đảm bảo kiểm soát chi phí hiệu quả và phù hợp với định mức tài chính của công ty; Phối hợp làm việc với nhà cung cấp, theo dõi tiến độ hợp đồng, đối soát – thanh toán chi phí, đảm bảo chất lượng và hiệu quả hợp tác với các đối tác công nghệ.

- **Phòng An toàn thông tin**

Phòng An toàn thông tin có chức năng và nhiệm vụ:

(i) Triển khai, vận hành, quản trị và giám sát các hệ thống An toàn thông tin (ATTT), đảm bảo bảo mật cho dịch vụ, người dùng và hạ tầng CNTT; Thực hiện kiểm tra xâm nhập, mô phỏng tấn

công mạng và phân tích lỗ hổng bảo mật, phối hợp với các đơn vị liên quan để khắc phục và tăng cường khả năng phòng thủ hệ thống; Soạn thảo, cập nhật chính sách – quy trình ATTT và thực hiện kiểm tra nội bộ, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và các tiêu chuẩn an ninh mạng; Đào tạo và nâng cao nhận thức ATTT cho nhân viên, đồng thời báo cáo định kỳ về tình hình tuân thủ và rủi ro tiềm ẩn đến Ban lãnh đạo; Ứng phó và xử lý kịp thời các sự cố ATTT, nghiên cứu giải pháp công nghệ mới, quản lý đối tác và thực hiện yêu cầu theo quy định của cơ quan quản lý (UBCK, HSX, HNX, VSDC).

(ii) Rà soát, cập nhật và ban hành các chính sách, quy trình, quy định liên quan đến An toàn thông tin, đảm bảo tuân thủ quy chuẩn nội bộ cũng như các quy định pháp luật hiện hành; Thiết kế, xây dựng và vận hành các hệ thống, giải pháp bảo mật như PAM, DBFW, Splunk, EDR,... nhằm đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý như UBCKNN, HOSE, HNX, VSDC; Rà soát tổng thể hiện trạng ATTT của các hệ thống dịch vụ; phát hiện điểm yếu, lỗ hổng bảo mật và xây dựng phương án xử lý hiệu quả cả ngắn hạn lẫn dài hạn; Phối hợp với các phòng ban nội bộ và đối tác bên ngoài thực hiện kiểm thử bảo mật (pentest) định kỳ; phân tích kết quả, đánh giá rủi ro và phối hợp xử lý, khắc phục lỗ hổng kịp thời; Giám sát, triển khai các biện pháp kiểm soát bảo mật trong toàn bộ vòng đời phát triển phần mềm, đảm bảo sản phẩm tuân thủ nguyên tắc "Secure by Design"; Đảm bảo hạ tầng ATTT được vận hành ổn định, giám sát liên tục 24/7 và có khả năng phát hiện, cảnh báo sớm các mối đe dọa nhằm giảm thiểu rủi ro an ninh; Theo dõi các xu hướng tấn công mạng mới, công cụ kiểm thử hiện đại; đồng thời duy trì việc nâng cao kỹ năng phát hiện và ứng phó sự cố cho đội ngũ chuyên trách; Chuẩn bị báo cáo tổng hợp về tình hình an toàn thông tin, phục vụ nhu cầu quản lý nội bộ và các cơ quan chức năng như: UBCKNN, HOSE, HNX, VSDC; Triển khai các chương trình đào tạo, khóa học nhằm nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ nhân viên trong toàn công ty.

- **Phòng Vận hành Nền tảng và Core**

Phòng Vận hành nền tảng Core có chức năng và nhiệm vụ:

(i) Xây dựng giải pháp và quản lý kiến trúc công nghệ: Đảm bảo kiến trúc công nghệ phù hợp với chiến lược và mục tiêu kinh doanh; Tư vấn chiến lược công nghệ, ban hành các tiêu chuẩn công nghệ áp dụng cho các hệ thống công nghệ thông tin; Xây dựng & lựa chọn giải pháp cho các yêu cầu nghiệp vụ: phục vụ kinh doanh đối với khách hàng và hoạt động nội bộ; Quản lý kiến trúc công nghệ bao gồm: Kiến trúc nghiệp vụ, kiến trúc dữ liệu, kiến trúc ứng dụng, kiến trúc hạ tầng & bảo mật (theo các chuẩn chung như TOGAF); Đảm bảo các dự án triển khai theo đúng phương án thiết kế được thống nhất và phê duyệt.

(ii) Tự động hóa quy trình phát triển, triển khai và vận hành phần mềm: Xây dựng quy trình và hệ thống CI/CD đảm bảo vận hành triển khai phần mềm, bảo mật được xuyên suốt, tự động và chuẩn hóa; Triển khai và vận hành hệ thống tự động hóa build - test - security scan deploy - monitor ứng dụng từ Dev sang Production; Phối hợp với các bộ phận Kiến trúc giải pháp, Phát triển, Hạ tầng, Bảo mật, Vận hành công nghệ để đảm bảo quy trình phát triển, triển khai và vận hành phần mềm được tuân thủ tự động, hạn chế thiếu sót các bước bao gồm: tuân thủ thiết kế kiến trúc, an toàn bảo mật (SAST, DAST, Secret Scanning,...), cấu hình hạ tầng (IaC); Phối hợp các bộ phận vận hành ứng dụng và hạ tầng trong việc theo dõi sức khỏe các hệ thống triển khai trên nền tảng DevSecOps, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định xuyên suốt cũng như xử lý các sự cố phát sinh kịp thời.

(iii) Vận hành Core/Ứng dụng ngoài Core, Quản lý thay đổi & sự cố: Vận hành các hệ thống Core chứng khoán cũng như các ứng dụng ngoài Core; Xây dựng quy trình và thực hiện quản lý

thay đổi, đảm bảo hệ thống ứng dụng trước khi được triển khai trên môi trường sản xuất (Production) phải đầy đủ các tài liệu trong checklist go-live như tài liệu mô tả yêu cầu nghiệp vụ, tài liệu thiết kế tổng quan, tài liệu thiết kế chi tiết, đánh giá an toàn thông tin, tài liệu vận hành; Tham gia phối hợp golive hệ thống/tính năng phần mềm mới cùng với các bộ phận; Xây dựng quy trình và thực hiện quản lý công tác xử lý sự cố, đảm bảo các sự cố phát sinh được xử lý trong thời gian sớm nhất; Phối hợp xử lý các lỗi liên quan phát sinh có liên quan đến các hệ thống Core và ngoài Core (lỗi người dùng, lỗi hệ thống, lỗi phát sinh kết nối với hệ thống đối tác,...). Thúc đẩy các bộ phận liên quan xử lý sự cố theo SLA của từng bộ phận.

- **Phòng Quản trị và Phân tích dữ liệu**

Phòng Quản trị và Phân tích dữ liệu có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Xây dựng và phát triển hệ sinh thái dữ liệu tập trung, toàn diện và thống nhất, đảm bảo việc khai thác dữ liệu hiệu quả, an toàn và tuân thủ quy định; Thiết kế hạ tầng dữ liệu và quản trị hệ thống lưu trữ, duy trì hiệu suất và ổn định để đáp ứng nhu cầu phân tích và vận hành; Hoạch định chiến lược khai thác và phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định thông qua báo cáo, dashboard và mô hình dự báo; Phát triển các ứng dụng dữ liệu thông minh, cung cấp công cụ phân tích hỗ trợ các đơn vị nghiệp vụ trong toàn công ty; Nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), sáng kiến kỹ thuật số, nhằm tối ưu hóa việc khai thác dữ liệu và nâng cao năng lực cạnh tranh công nghệ.
- (ii) Phát triển và duy trì nền tảng dữ liệu tập trung (Data Lake, Data Warehouse) cho toàn công ty, bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, thống nhất, dễ dàng tích hợp phục vụ các nhu cầu phân tích; Thiết lập cơ chế quản trị dữ liệu toàn diện (Data Governance), bao gồm chính sách phân quyền truy cập, bảo vệ dữ liệu, kiểm soát chất lượng dữ liệu và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý của ngành đối với dữ liệu được lưu trữ trong hệ sinh thái dữ liệu; Triển khai và tối ưu hóa các công cụ Business Intelligence (BI) để xây dựng hệ thống báo cáo và dashboard tự động, cung cấp thông tin kịp thời hỗ trợ ra quyết định, hỗ trợ các đơn vị nghiệp vụ nâng cao hiệu quả vận hành; Tích hợp và triển khai Generative AI (GenAI) và các công nghệ mới (machine learning, deep learning) cho các nghiệp vụ chứng khoán như phát hiện gian lận, phân tích hành vi nhà đầu tư, tối ưu giao dịch; Phát triển năng lực cạnh tranh công nghệ thông qua nghiên cứu và ứng dụng các sáng kiến kỹ thuật số, đảm bảo vị thế dẫn đầu trong khai thác dữ liệu.

Khối Kinh doanh

Cơ cấu Khối Kinh doanh gồm có 4 Phòng và 1 Trung tâm.

- **Phòng Khách hàng cá nhân**

Phòng Khách hàng cá nhân có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Tư vấn, cung cấp dịch vụ giao dịch, đầu tư chứng khoán, sản phẩm tài chính cho nhà đầu tư cá nhân theo hình thức tư vấn phân bổ tài sản hoặc cung cấp sản phẩm riêng lẻ dựa trên nhu cầu của khách hàng; Quản lý chất lượng dịch vụ, gia tăng trải nghiệm khách hàng; Tìm kiếm và phát triển khách hàng tiềm năng theo khu vực, nhóm khách hàng mục tiêu; Triển khai các sản phẩm đầu tư, dịch vụ tài chính phù hợp với phân khúc khách hàng cá nhân; Đảm bảo tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ trong hoạt động tư vấn tài chính, môi giới.
- (ii) Phối hợp với các phòng ban triển khai dịch vụ/sản phẩm phù hợp với nhu cầu khách hàng mục tiêu là nhà đầu tư cá nhân và tham gia tư vấn cho HDQT/BDH về chiến lược phát triển mảng khách hàng cá nhân; Xây dựng, phát triển và quản lý hệ thống mạng lưới kinh doanh trực tiếp, trực tuyến và hợp tác đối tác nhằm tăng trưởng nền tảng khách hàng, tăng trưởng quy mô doanh số và

đảm bảo hiệu quả hoạt động. Đáp ứng đầy đủ nhu cầu khách hàng, liên tục cải thiện trải nghiệm khách hàng trên các nền tảng giao dịch và quản lý tài sản; Triển khai các chính sách, sản phẩm, chương trình, hoạt động dành cho khách hàng và cho đội ngũ bán hàng/tư vấn đầu tư phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường.

- **Phòng Phát triển đối tác chiến lược**

Phòng Phát triển đối tác chiến lược có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Đảm bảo hiệu quả vận hành và cơ chế phối hợp trong nội bộ Khối Kinh doanh; Phân tích, thiết kế và cải tiến mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động, KPIs, chính sách kinh doanh; Phát triển và quản lý tập khách hàng tổ chức bao gồm công ty niêm yết, tổ chức đầu tư, doanh nghiệp vừa và lớn; Cung cấp giải pháp tài chính, sản phẩm chứng khoán và dịch vụ đầu tư phù hợp với nhu cầu chuyên biệt của khách hàng tổ chức; Thúc đẩy quan hệ hợp tác chiến lược dài hạn với các tổ chức kinh tế, và khách hàng doanh nghiệp.
- (ii) Ký kết, đào tạo và vận hành hệ thống đại lý – cộng tác viên; Theo dõi KPI và hiệu suất kinh doanh của từng đối tác; Phối hợp với Phòng Pháp chế và KSNB trong việc kiểm soát rủi ro từ kênh này; Tổ chức các hoạt động gắn kết và truyền thông nội bộ tới hệ thống đối tác; Tìm kiếm, thiết lập và vận hành hệ thống đối tác kinh doanh: đại lý, cộng tác viên, ngân hàng, công ty công nghệ tài chính (fintech), tổ chức giáo dục đầu tư; Phát triển chương trình hợp tác kinh doanh (partner program): chính sách hoa hồng, hỗ trợ, đào tạo, giám sát chất lượng; Triển khai hoạt động đồng thương hiệu (co-branding), tiếp thị liên kết (affiliate marketing) với đối tác; Tìm kiếm, tiếp cận và phát triển tệp khách hàng tổ chức mới; Quản lý và chăm sóc khách hàng hiện hữu, duy trì quan hệ bền vững và hỗ trợ kịp thời; Tư vấn, chào bán các sản phẩm đầu tư, dịch vụ chứng khoán và giải pháp tài chính cho khách hàng tổ chức; Thiết kế gói giải pháp đầu tư theo nhu cầu từng nhóm khách hàng (quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm, doanh nghiệp,...); Hỗ trợ giao dịch khối lượng lớn, giao dịch thoả thuận, giao dịch có cấu trúc; Hỗ trợ khách hàng tổ chức trong các giao dịch cấu trúc, giao dịch margin, giao dịch khối lượng lớn; Phân tích năng lực tài chính, nhu cầu và hành vi đầu tư của khách hàng tổ chức; Đề xuất chiến lược tiếp cận, phân loại khách hàng theo phân khúc để tối ưu hoá dịch vụ và hiệu quả kinh doanh; Thống kê, báo cáo tình hình kinh doanh định kỳ theo yêu cầu của Khối Kinh doanh; Quản lý dữ liệu khách hàng và giao dịch tuân thủ đúng quy định pháp luật và nội bộ; Phối hợp với các khối liên quan để phát triển sản phẩm và cải thiện quy trình phục vụ khách hàng tổ chức; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT/TGĐ.

- **Phòng Phát triển kinh doanh**

Phòng Phát triển kinh doanh có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Phòng Quản lý Kinh doanh đóng vai trò là đơn vị xây dựng chính sách và chương trình trình thúc đẩy kinh doanh; điều phối, kiểm soát, phân tích và hỗ trợ vận hành kinh doanh trong toàn bộ Khối Kinh doanh, giúp đảm bảo hoạt động kinh doanh tuân thủ, hiệu quả và bám sát mục tiêu chiến lược của LPBS.
- (ii) Tham gia xây dựng chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh hàng năm/quý/tháng cho Khối Kinh doanh và các phòng trực thuộc; Tổng hợp, rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, đưa ra cảnh báo, đề xuất điều chỉnh định kỳ; Tổng hợp, xử lý dữ liệu, lập báo cáo MIS định kỳ phục vụ Ban Điều hành và các đơn vị kinh doanh; Theo dõi, phân tích hiệu quả cá nhân/nhóm theo doanh số, khách hàng, sản phẩm; Cung cấp dữ liệu hỗ trợ chấm thưởng, đánh giá hiệu quả làm việc định kỳ; Xây dựng chính sách kinh doanh bao gồm các chính sách về KPIs, hoa hồng, đánh giá thưởng, đánh giá phân bậc cho các lực lượng kinh doanh; Xây dựng các chương trình thi đua

thúc đẩy cho các bộ phận và lực lượng kinh doanh; Quản lý quy trình mở mới tài khoản, onboarding khách hàng và hỗ trợ giao dịch cho đội ngũ kinh doanh; Quản lý các công cụ hỗ trợ bán hàng: CRM, hệ thống báo cáo, hệ thống giới thiệu khách hàng, các biểu mẫu giao dịch; Rà soát, đề xuất cải tiến quy trình kinh doanh, đảm bảo tuân thủ và hiệu quả. Phối hợp với các phòng phát triển sản phẩm để phổ biến, triển khai, và theo dõi việc sử dụng sản phẩm đầu tư, tài chính, công cụ bán hàng trong toàn đội ngũ kinh doanh; Theo dõi phản hồi từ đội ngũ kinh doanh và khách hàng để cải tiến sản phẩm; Phối hợp tổ chức các buổi đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng bán hàng, giới thiệu sản phẩm mới; Thực hiện các bản tin kinh doanh nội bộ, truyền thông kết quả hoạt động của đội ngũ, gương mặt tiêu biểu, khuyến khích thi đua.

• **Trung tâm Phát triển Năng lực đầu tư**

Trung tâm Phát triển Năng lực đầu tư có chức năng và nhiệm vụ:

- (i) Trung tâm Phát triển Năng lực đầu tư có chức năng Đào tạo, Nâng cao kiến thức; Nghiên cứu, Cập nhật thông tin thị trường; Tư vấn về mặt chuyên môn trong việc xây dựng các tính năng, công cụ nhằm hỗ trợ tốt nhất cho hành trình Đầu tư của Khách hàng, và đào tạo năng lực cho đội ngũ chuyên gia tư vấn thuộc LPBS và các đối tác.
- (ii) Đào tạo, Nâng cao kiến thức Đầu tư cho Khách hàng và Lực lượng Bán của Công ty: Xây dựng Khung chương trình Đào tạo theo từng cấp độ Cơ bản, Nâng cao, Chuyên sâu với các chủ đề đào tạo khác nhau phù hợp với từng đối tượng học; Thiết kế các nội dung Đào tạo phù hợp với tệp khách hàng Mass, phân phối trên các nền tảng truyền thông của Công ty; Xây dựng Khung Năng lực lõi cho Lực Lượng bán của Công ty bao gồm các đối tượng: RM của Ngân hàng, Môi giới mới gia nhập, WA, Cộng tác viên,...; Trực tiếp giảng dạy các Khóa học cho Khách hàng và Lực lượng Bán; Tổ chức Hội thảo với các chuyên đề đa dạng: Kiến thức đầu tư; Nhận định thị trường, nhóm ngành, cổ phiếu tiềm năng.
- (iii) Nghiên cứu, cập nhật thông tin thị trường: Thu thập thông tin, nghiên cứu số liệu, xuất bản các Bản tin và Nhận định hàng ngày dưới nhiều hình thức khác nhau: podcast, video ngắn, note nhận định,... phân phối trên App/Web Trade và các kênh truyền thông của Công ty (Fanpage, Youtube, Tiktok,...); Xây dựng format và định hướng về mặt nội dung cho hoạt động livestream tư vấn đầu tư của Kênh khách hàng cá nhân trên các kênh truyền thông của công ty (Fanpage, Youtube),...; Chịu trách nhiệm xây dựng nội dung cho các buổi hội thảo do công ty tổ chức; Tham dự các Hội thảo Nhận định về xu hướng thị trường tổ chức bởi bên thứ 3 (tivi, báo đài,...) khi có yêu cầu.
- (iii) Chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn, phối hợp với các phòng ban khác trong việc xây dựng các tính năng liên quan đến mảng Phát triển năng lực đầu tư, nghiên cứu thị trường như: Tính năng liên quan đến Tư vấn Tài chính cá nhân; Tính năng liên quan đến Phân bổ Tài sản; Tính năng tra cứu thông tin Thị trường.
- (iv) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến mảng Phát triển năng lực đầu tư và Nghiên cứu thị trường theo yêu cầu từ Ban Điều hành.

• **Phòng Kinh Doanh số**

Phòng Kinh doanh số có chức năng và nhiệm vụ:

Phòng Kinh doanh số có chức năng chính là chăm sóc, khai thác khách hàng đại chúng trên kênh kinh doanh trực tuyến và phát triển các chiến lược để tăng trưởng tài khoản, doanh thu. Nhiệm vụ của phòng bao gồm nghiên cứu, đề xuất và triển khai các chương trình kinh doanh nhằm duy trì và giữ chân khách hàng. Bên cạnh đó, phòng cũng thực hiện các hoạt động tư vấn, đào tạo để nâng

cao năng lực đầu tư, giới thiệu các cơ hội đầu tư, từ đó tăng mức độ, giá trị giao dịch và mức sử dụng sản phẩm của khách hàng. Cuối cùng, phòng thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

1.4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người liên quan tại ngày 30/09/2025.

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Vũ Thanh Huệ	203 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.	79.338.100	20,41%	- Người liên quan của cổ đông sở hữu cổ phần LPBS: 0 cổ phần. - Cổ đông và người liên quan của cổ đông không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác.
2	Ngô Quyết Tiến	Phố Phúc Thịnh, Phường Phúc Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.	71.992.000	18,52%	- Người liên quan của cổ đông sở hữu cổ phần LPBS: 0 cổ phần. - Cổ đông và người liên quan của cổ đông không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác.
3	Phạm Thu Hằng	Phố Vinh Quang, Phường Ninh Khánh, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.	66.500.000	17,10%	- Người liên quan của cổ đông sở hữu cổ phần LPBS: 0 cổ phần. - Cổ đông và người liên quan của cổ đông không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác.
4	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Tòa nhà LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	21.384.000	5,5%	Người liên quan của cổ đông sở hữu cổ phần LPBS: 0 cổ phần.

1.5. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank được thành lập vào ngày 12/02/2009, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

- 1.6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

Không có.

1.7. Thông tin về Ban Điều hành

• **Hội đồng quản trị:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Nguyễn Duy Khoa	Chủ tịch HĐQT	1984
2	Vũ Thanh Huệ	Phó Chủ tịch HĐQT	1985
3	Dư Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	1988
4	Phạm Thu Hằng	Thành viên HĐQT	1981
5	Nguyễn Thị Kiều Anh	Thành viên HĐQT	1983
6	Hoàng Duy Hiền	Thành viên HĐQT	1977

1. Nguyễn Duy Khoa – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Duy Khoa
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1984
 Nơi sinh : Tây Thuận, Tây Sơn, Bình Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Thị trường Tài chính – Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
 Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính do UBCKNN cấp.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006-2007	Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (MBS)	Nhân viên Môi giới
2008-2012	Công ty CP Chứng khoán Kim Eng Việt Nam	Giám đốc Chi nhánh
2013-2017	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (HO)	Giám đốc Khối Môi giới
2018-2020	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Phó Tổng Giám đốc
2021-2023	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	Giám đốc Khối Khách hàng DN
2023-2024	Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ	Giám đốc Đầu tư

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2025-04/2025	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập HĐQT
05/2025-07/2025	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT
07/2025-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

2. Vũ Thanh Huệ – Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Vũ Thanh Huệ
 Giới tính : Nữ
 Năm sinh : 1985
 Nơi sinh : TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2008-09/2013	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB	Chuyên viên Pháp chế
03/2015-12/2018	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Thư ký HĐQT
01/2019-06/2019	Công ty Luật TNHH Vietthink	Luật sư tư vấn
10/2019-08/2020	Công ty Cổ phần Thaiholdings	Trưởng phòng Pháp chế
08/2020-06/2022	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Trưởng phòng Pháp chế
06/2022-09/2022	Công ty Cổ phần Thaiholdings	Giám đốc Ban Pháp chế
09/2022-nay	Công ty Cổ phần Thaiholdings	Phó Tổng Giám đốc kiêm Người phụ trách quản trị công ty
04/2023-nay	Công ty Cổ phần Thaiholdings	Thành viên HĐQT
04/2023-08/2023	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT
08/2023-12/2023	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT
12/2023-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Phó Chủ tịch HĐQT
12/2023-nay	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Thaihomes	Chủ tịch HĐQT
04/2024-nay	Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên	Thành viên HĐQT

3. Phạm Thu Hằng – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Phạm Thu Hằng
 Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1981
 Nơi sinh : Bắc Sơn, Tam Điệp, Ninh Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế – Đại học Thương Mại

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2004-04/2005	Công ty Poosing Vina	Kế toán viên
05/2005-04/2006	Công ty TNHH May Việt Ý	Kế toán viên
05/2006-12/2010	Công ty TNHH ĐT&TM Xuân Thái	Kế toán viên
01/2011-12/2014	Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	Trưởng phòng Kế toán
01/2015-03/2020	Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	Giám đốc Tài chính
04/2020-nay	Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	Thành viên HĐQT
02/2022-03/2022	Công ty Cổ phần Thaiholdings	Phó Tổng Giám đốc
03/2022-nay	Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	Phó Tổng Giám đốc
04/2024-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT
02/2025-nay	Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup - Chi nhánh Quảng Nam	Người đứng đầu Chi nhánh

4. Dư Thị Hải Yến – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Dư Thị Hải Yến
 Giới tính : Nữ
 Năm sinh : 1988
 Nơi sinh : Xuân Dục, Mỹ Hào, Hưng Yên
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – Đại học Kinh tế Quốc Dân

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2011-04/2014	Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Nông thôn	Kế toán thanh toán
05/2014-04/2017	Công ty Cổ phần Xuân Thành Group	Phó Ban Kiểm soát nội bộ
05/2017-03/2019	Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	Phó Ban Kiểm soát nội bộ

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2019-nay	Công ty Cổ phần Thaiholdings	Thành viên BKS
01/2023-nay	Công ty Cổ phần Thaiholdings	Phó Ban Kiểm toán nội bộ
04/2023-04/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Trưởng BKS
04/2024-nay	Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên	Thành viên BKS
04/2024-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT

5. Hoàng Duy Hiền – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Hoàng Duy Hiền
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1977
 Nơi sinh : Hòa Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư – Đại học Bách khoa Hà Nội

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001-2008	Công ty TNHH Tin học Thiên Nam	Giám đốc Trung tâm Phát triển phần mềm
2008-2010	Công ty CP Tin học Á Châu	Phó giám đốc Chi nhánh Hà Nội
2010-2015	Công ty CP Tin học Á Châu	Trưởng phòng Phát triển phần mềm
2015-2017	Công ty CP Giải pháp Quản lý SSG	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
2017-05/2022	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Phó Giám đốc Khối CNTT
05/2022-12/2024	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Giám đốc Khối CNTT
12/2024-04/2025	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Thành viên độc lập HĐQT
05/2025-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT

6. Nguyễn Thị Kiều Anh – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Thị Kiều Anh
 Giới tính : Nữ
 Năm sinh : 1983
 Nơi sinh : Khánh Thành, Yên Khánh, Ninh Bình

Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Học viện Ngân Hàng

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005-2008	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Chuyên viên Tín dụng
2008-2016	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Giảng Võ	Trưởng phòng Tín dụng
2016-2020	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũ Trọng Phụng	Giám đốc Chi nhánh
2020-2023	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Giám đốc Khu vực Hai Bà Trưng
2023-nay	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
12/2024-04/2025	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Thành viên độc lập HĐQT
05/2025-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT

- Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Bùi Lê Quang	Trưởng BKS	1969
2	Nguyễn Bảo Lâm	Thành viên BKS	1995
3	Bùi Thị Thanh Nhân	Thành viên BKS	1989

1. Bùi Lê Quang – Trưởng BKS

Họ và tên : Bùi Lê Quang
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1969
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG Hà Nội)

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000-2002	Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thăng Lợi	Trưởng phòng Đại lý
2002-2004	Công ty CP Du lịch Bưu Điện	Chuyên viên Phòng Kế hoạch
2004-2007	Công ty CP In Bưu Điện	Phó Giám đốc Trung tâm Tín học
2007-nay	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện	Trưởng phòng Đầu tư Tài chính
2011-2013	Công ty CP Đầu tư và Phát triển SACOM	Trưởng BKS
2011-2017	Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam	Phó Chủ tịch
2012-2015	Công ty CP Thủy điện Quế Phong	Thành viên HĐQT
2012-2018	Công ty CP Đầu tư Thương mại Việt Nhật	Thành viên HĐQT
2018-2023	Công ty CP Dịch vụ Số liệu Toàn Cầu	Thành viên BKS
05/2024-06/2025	Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai	Thành viên HĐQT
2013-nay	Công ty CP Du lịch Kim Liên	Trưởng BKS
04/2024-nay	Công ty CP Chứng khoán LPBank	Trưởng BKS

2. Nguyễn Bảo Lâm – Thành viên BKS

Họ và tên : Nguyễn Bảo Lâm

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1995

Nơi sinh : Điện Biên

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kiểm toán – Học viện Tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2017-09/2019	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	Kiểm toán viên
10/2019-01/2020	Công ty Cổ phần Tập đoàn TH	Kiểm toán nội bộ
01/2020-nay	Công ty Cổ phần Thaiholdings	Kiểm toán nội bộ
04/2024-nay	Công ty CP Chứng khoán LPBank	Thành viên BKS

3. Bùi Thị Thanh Nhân – Thành viên BKS

Họ và tên : Bùi Thị Thanh Nhân

Giới tính : Nữ
 Năm sinh : 1989
 Nơi sinh : Khánh Cường, Yên Khánh, Ninh Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh Tổng hợp - Đại học Kinh tế Quốc dân

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2012-06/2013	Công ty TNHH Xây dựng Xuân Khiêm	Nhân viên Kế toán
09/2013-05/2015	Công ty CP Xuân Thành Group	Nhân viên Kế toán
06/2015-03/2017	Công ty CP Tập đoàn Thaingroup	Nhân viên Kế toán
04/2017-04/2018	Công ty CP Xuân Thành Group	Nhân viên Kế toán
05/2018-06/2019	Văn phòng đại diện Công ty CP – Tập đoàn Thaingroup tại Hà Nội	Chuyên viên Ban Tài chính kế toán
07/2019-nay	Công ty CP Thaiholdings	Chuyên viên BKS
04/2023-nay	Công ty CP Chứng khoán LPBank	Thành viên BKS

- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Nguyễn Duy Khoa	Tổng Giám đốc	1984
2	Hoàng Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	1988
3	Nguyễn Thị Ngân	Kế toán trưởng	1982

1. Nguyễn Duy Khoa – Tổng Giám đốc

Thông tin đã nêu tại Mục 1.7.

2. Hoàng Việt Anh – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Hoàng Việt Anh
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1988
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài chính - Đại học Birmingham, Vương Quốc Anh.
 Chứng chỉ CMT do Hiệp hội CMT cấp.
 Chứng chỉ CFA do Hiệp hội CFA cấp.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2011-04/2020	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	Giám đốc Giao dịch ngoại tệ, trái phiếu và phái sinh
04/2020-06/2022	Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree	Giám đốc Nguồn vốn và đầu tư
06/2022-09/2023	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	Giám đốc quản lý tài khoản Khách hàng lớn (AM)
09/2023-04/2025	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV)	Trưởng bộ phận Tư vấn đầu tư (CIO office)
05/2025-nay	Công ty CP Chứng khoán LPBank	Phó Tổng Giám đốc

3. Nguyễn Thị Ngân – Kế toán trưởng

Họ và tên : Nguyễn Thị Ngân
 Giới tính : Nữ
 Năm sinh : 1982
 Nơi sinh : Xã Kè Sặt, TP. Hải Phòng
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán;
 Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán do UBCKNN cấp.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006-03/2007	Công ty Cổ phần Hanamco	Kế toán tổng hợp
03/2007-04/2014	Công ty CP Chứng khoán Sacombank	Trưởng Bộ phận Kế toán - CNHN
05/2014-05/2016	Công ty CP Chứng khoán SIIBS	Phó phòng Kế toán
06/2016-12/2021	Công ty CP Chứng khoán Asean	Kế toán trưởng
2022-06/2023	Công ty CP Công nghệ Sapo	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán
09/2023-10/2025	Công ty CP Quản lý Quỹ Amber	Kế toán trưởng
11/2025 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Kế toán trưởng

1.8. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền:
 Kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Đào Minh Đức	Giám đốc Phòng Quản trị rủi ro	1974
2	Cao Phạm Hoàng Long	Chuyên viên Phòng Quản trị rủi ro	1993

1. Đào Minh Đức – Giám đốc Phòng Quản trị rủi ro

Họ và tên	: Đào Minh Đức
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1974
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Chứng chỉ hành nghề phân tích số 00691/PTTC do UBCKNN cấp ngày 03/04/2009; Chứng chỉ chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh số 10 PS062017/QĐ-ĐT ngày 22/05/2017.
Kinh nghiệm, uy tín, năng lực	: 20 năm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán. Trong đó, hơn 4 năm kinh nghiệm làm Giám đốc Quản trị rủi ro tại các công ty chứng khoán.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2005-04/2007	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcombank (VCBS)	Chuyên viên Môi giới khách hàng quốc tế
05/2007-05/2013	Công ty Cổ phần Chứng khoán May Bank Kim Eng Việt Nam	Trưởng phòng Phát triển sản phẩm
06/2013-05/2015	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN TP.HCM	Trưởng phòng Dịch vụ Tài chính
06/2015-05/2021	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Trưởng phòng Môi giới – Chi nhánh Hồ Chí Minh
05/2021-10/2024	Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	Giám đốc Quản trị rủi ro
10/2024-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS)	Giám đốc Quản trị rủi ro

2. Cao Phạm Hoàng Long - Chuyên viên Phòng Quản trị rủi ro

Họ và tên	: Cao Phạm Hoàng Long
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1993
Nơi sinh	: TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế;
 Chứng chỉ hành nghề phân tích số 002876/PTTC do UBCKNN cấp ngày 22/04/2024;
 Chứng chỉ chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh số 31 PS042021/QĐ-ĐT ngày 11/05/2021.
 Kinh nghiệm, uy tín, năng lực : Hơn 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị rủi ro tại các công ty chứng khoán.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2020-08/2023	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Chuyên viên Quản trị rủi ro
01/2024-04/2025	Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	Chuyên viên cao cấp Quản trị rủi ro
05/2025-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Chuyên gia Quản trị rủi ro

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành**2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của tổ chức phát hành****Tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty**

LPBS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán như sau:

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Hoạt động kinh doanh của LPBS trong năm 2024

Năm 2024, LPBS đã đạt được nhiều thành công, bảng tổng kết tài sản tăng trưởng cao và vượt kế hoạch lợi nhuận. LPBS cũng duy trì được cấu trúc tài chính lành mạnh, thanh khoản dồi dào và an toàn vốn cao. Cụ thể như sau:

- Tổng tài sản: 5.066.313 triệu đồng, tăng hơn 1.740,7% so với năm 2023.
- Vốn điều lệ của LPBS: Tăng từ 250.000 triệu đồng lên 3.888.000 triệu đồng.
- Các khoản cho vay: 2.664.287 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 100.026 triệu đồng, tăng 609,4% so với năm 2023. Hoàn thành vượt kế hoạch 92% so với kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua.
- Đăng ký là thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.
- Kết nối giao dịch trực tuyến, giao dịch từ xa thị trường chứng khoán niêm yết và thị trường chứng khoán đăng ký giao dịch với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank - Chi nhánh Đà Nẵng.

Hoạt động kinh doanh của LPBS trong năm 2025: Số liệu tính đến ngày 30/09/2025

- Tổng tài sản: 18.269.759 triệu đồng, tăng 260,61% so với tổng tài sản tại ngày 31/12/2024.
- Vốn chủ sở hữu: 4.339.892 triệu đồng.
- Các khoản cho vay: 3.406.938 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế và sau thuế TNDN lũy kế từ đầu năm đến ngày 30/09/2025 lần lượt là: 432.239 triệu đồng và 345.081 triệu đồng.

Các hoạt động kinh doanh chính của LPBS bao gồm:
• Môi giới chứng khoán:

- Công ty đẩy mạnh chiến lược mở rộng mạng lưới hoạt động môi giới thông qua việc phát triển hệ thống kênh phân phối, thành lập thêm các chi nhánh mới tại các Tỉnh, Thành phố lớn như: Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Quảng Ninh,... Tại thời điểm 30/10/2025, quy mô đội ngũ môi giới và đối tác kinh doanh gần 100 người và đang tiếp tục mở rộng tuyển dụng nhân sự môi giới.
- Bên cạnh đây, LPBS đã đưa ra sản phẩm giao dịch ký quỹ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng; chú trọng đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại để số hóa các sản phẩm, dịch vụ nhằm giúp khách hàng đăng ký và sử dụng dịch vụ trực tuyến nhanh chóng, an toàn.
- Thị phần môi giới: 10 tháng năm 2025, giá trị giao dịch của khách hàng đạt 80.290 tỷ đồng, tăng 146,35% so với năm 2024.

• Tự doanh chứng khoán:

LPBS đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư tự doanh, chủ yếu tập trung vào mã các cổ phiếu chất lượng cao và có triển vọng tăng trưởng bền vững (VN30, HNX30). Tính đến thời điểm 31/10/2025, tổng giá trị danh mục đầu tư gần 1.000 tỷ đồng. Cùng với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn sâu rộng, có thâm niên trên thị trường chứng khoán, LPBS kỳ vọng mang lại lợi nhuận hấp dẫn, đồng thời duy trì sự ổn định và bền vững trong danh mục đầu tư.

• Kinh doanh nguồn vốn:

Tính đến 31/10/2025, LPBS nằm trong danh sách 10 công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất thị trường, với năng lực tài chính dồi dào (vốn điều lệ 12.668 tỷ đồng) đã góp phần tạo ra dư địa cho hoạt động cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán,....

- **Ngân hàng đầu tư:** bao gồm các hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán.

Đội ngũ chuyên gia với kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm lâu năm trên thị trường tài chính Việt Nam, đã thực hiện đa dạng các dịch vụ tư vấn như: M&A; Niêm yết cổ phiếu và đăng ký giao dịch cổ phiếu; Phát hành cổ phiếu ra công chúng và riêng lẻ; ESOP; Phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng và riêng lẻ,... cho các doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bất động sản, tài chính ngân hàng tại Việt Nam. Tính đến ngày 31/10/2025, Phòng Ngân hàng đầu tư đã hoàn thành dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán TPDN riêng lẻ (trái phiếu thường và trái phiếu tăng vốn cấp 2) cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam với tổng mệnh giá trái phiếu phát hành thành công là: 12.050 tỷ đồng.

Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại (nếu có)

Công ty không có các tranh chấp hay kiện tụng gì cho đến thời điểm hiện tại.

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế từ đầu năm đến ngày 30/09/2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	% tăng, giảm Năm 2024/2023	Lũy kế đến ngày 30/09/2025
1	Tổng Tài sản	Triệu đồng	275.237	5.066.313	1740,7%	18.269.759
2	Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	41.801	192.739	361,1%	975.995
3	Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	14.102	100.004	609,1%	432.234
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-3	22		5
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Triệu đồng	14.099	100.026	609,4%	432.239
6	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	Triệu đồng	14.099	80.392	470,2%	345.081

Nguồn: BCTC năm 2023 và 2024 đã kiểm toán; BCTC quý 3/2025 của LPBS.

2.3. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành: Không có.
3. Tình hình tài chính
3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn theo đúng thỏa thuận với các đối tác.

3.2. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn thực hiện nộp các khoản phải nộp theo luật định.

3.3. Tổng dư nợ vay

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 30/09/2025	Ghi chú
1	Vay ngắn hạn	Triệu đồng	13.652.232	Không có khoản vay nào bị quá hạn
2	Vay dài hạn	Triệu đồng	0	
	Tổng cộng nợ vay	Triệu đồng	13.652.232	

Nguồn: BCTC Quý 3/2025 của LPBS

3.4. Tổng dư nợ cho vay

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 30/09/2025
1	Tổng dư nợ cho vay (margin)	Triệu đồng	3.406.938
2	Phải thu cho vay ký quỹ quá hạn	Triệu đồng	0
3	Dự phòng phải thu cho vay ký quỹ quá hạn	Triệu đồng	0

Nguồn: BCTC Quý 3/2025 của LPBS

3.5. Tình hình công nợ hiện nay

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 30/09/2025
1	Tổng nợ phải thu	Triệu đồng	3.839.003
2	Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	13.929.867

Nguồn: BCTC Quý 3/2025 của LPBS

3.6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Lũy kế đến ngày 30/09/2025
1	Chỉ tiêu về an toàn tài chính				
	Giá trị vốn khả dụng	Triệu đồng	275.721	3.431.770	4.133.457
	Tổng giá trị rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm)	Triệu đồng	91.498	96.064	1.420.424
	Tỷ lệ vốn khả dụng (Giá trị vốn khả dụng/Tổng giá trị rủi ro)	%	301,34%	3572,38%	291,00%
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	Lần	98,6	4,2	1,3
	Hệ số thanh toán nhanh ((Tài sản lưu động-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	98,6	4,2	1,3
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,01	0,21	0,76
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,01	0,27	3,21
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,34	0,42	0,35
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	Lần	0,05	0,04	0,08
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,05	0,03	0,03
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Lần	0,34	0,52	0,44
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/CP	490	271	888

Nguồn: BCTC và BC TLATTC năm 2023 và 2024 đã kiểm toán; BCTC và BC TLATTC quý 3/2025 của LPBS.

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

1.1. Thông tin về chứng quyền phát hành

STT	Khoản mục	Nội dung
1	Tên chứng quyền	Chứng quyền STB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/05
2	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	STB
3	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
4	Loại chứng quyền (mua/bán)	Mua
5	Kiểu chứng quyền (châu Âu/Mỹ)	Châu Âu

STT	Khoản mục	Nội dung
6	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	Thanh toán tiền (VND)
7	Thời hạn	06 tháng
8	Tỷ lệ chuyển đổi	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)
9	Hệ số nhân	Không có.
10	Giá thực hiện dự kiến (chỉ số thực hiện)	Trong khoảng giá chênh lệch không vượt quá +/-20% so với giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
11	Giá chào bán cao nhất dự kiến	2.000 đồng/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
12	Giá chào bán thấp nhất dự kiến	1.000 đồng/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
13	Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) chứng quyền.
14	Tài sản bảo đảm thanh toán	Tiền (VND), ký quỹ bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng lưu ký.
15	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	50% giá trị chứng quyền chào bán.
16	Ngày phát hành dự kiến	Trong vòng 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có hiệu lực. Thời gian chào bán cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.
17	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Trước ngày đáo hạn 02 ngày giao dịch.
18	Ngày đáo hạn dự kiến	Ngày tròn 06 tháng kể từ ngày phát hành.
19	Tổng giá trị chào bán dự kiến	Trong khoảng giá trị từ 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng) đến 9.600.000.000 đồng (chín tỷ sáu trăm triệu đồng).

Phương pháp tính giá: Theo công thức Black Scholes như sau:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá lý thuyết của chứng quyền mua.

N(d₁), N(d₂): Xác suất phân phối chuẩn tích lũy.

Tham số	Phương pháp tính
X: Giá thực hiện của chứng quyền.	Do LPBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm LPBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng.
S: Giá CKCS hiện tại.	Là giá đóng cửa của CKCS tại thời điểm LPBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán giá chứng quyền, làm báo cáo.
T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)	Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.
rc: Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).	Lãi suất được xác định dựa trên chi phí cơ hội của nguồn vốn dành cho hoạt động kinh doanh chứng quyền (bao gồm tài sản đảm bảo thanh toán và nguồn vốn dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền), dựa trên cơ sở bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng biên độ 2% tại thời điểm LPBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán, làm báo cáo.
σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm).	Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ x (1 + hệ số điều chỉnh). Trong đó: - Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất. - Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tính thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự.
k: Tỷ lệ chuyển đổi	Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị CKCS.

1.2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó:

Không có.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

2.1. Thông tin về chứng khoán cơ sở

Tên Công ty	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
Lĩnh vực hoạt động chính	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB) được thành lập vào năm 1991 trên cơ sở hợp nhất Ngân hàng Phát triển Kinh tế Gò Vấp cùng với 03 hợp tác xã tín dụng là Tân Bình, Thành Công và Lữ Gia. Ngân hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực huy động vốn, cho vay tín dụng. Sacombank là ngân hàng Việt Nam tiên phong nhận được góp vốn ủy thác, tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức tài chính quốc tế IFC, ADB, Proparco, FMO, ngân hàng TMCP Việt Nam đầu tiên xây dựng và đưa Trung tâm Dữ liệu (Data Center) hiện đại

Tên Công ty	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
	đạt tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động. Năm 2006, STB là ngân hàng TMCP đầu tiên tại Việt Nam tiên phong niêm yết cổ phiếu tại HOSE. Năm 2024, so với cùng kỳ, biên lãi thuần (NIM) ở mức 3,56%, giảm 0,14%. Tỷ lệ nợ xấu ở mức 2,4%, tăng 0,13%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức 68,43%, giảm 0,41%. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ có giá trị bằng 10,1 nghìn tỷ đồng, tăng 30,69%. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) ở mức 20,03%, tăng 1,73%.
Tên chứng khoán cơ sở	STB
Vốn hóa hiện tại (tỷ đồng)	104.629
GTGD bình quân 12 tháng gần nhất (tỷ đồng/ngày)	555
KLGD bình quân 12 tháng gần nhất (cổ phiếu/ngày)	12.842.820
Giá đóng cửa (điều chỉnh) cao nhất 52 tuần (đồng)	61.000
Giá đóng cửa (điều chỉnh) thấp nhất 52 tuần (đồng)	31.950
Ngày niêm yết	12/07/2006
Chỉ số P/E hiện tại (lần)	8,51
Dao động bình quân của giá CKCS trong 12 tháng gần nhất (%)	57,67%

Nguồn: FIIN Pro ngày 31/10/2025

Tổ chức phát hành cam kết không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở theo các quy định của pháp luật liên quan.

2.2. Các chỉ số tài chính của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 2 năm gần nhất và lũy kế từ đầu năm đến ngày 30/09/2025

STT	Chỉ tiêu	DVT	Năm 2023	Năm 2024	% tăng, giảm Năm 2024/2023	Lũy kế đến ngày 30/09/2025
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	674.389.660	748.094.546	10,93%	848.942.045
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	45.733.864	54.972.070	20,20%	62.704.792
3	Doanh thu thuần	Triệu đồng	26.206.960	28.315.517	8,05%	8.744.788
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Triệu đồng	1.059.430	1.301.063	22,81%	861.986
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	9.595.000	12.720.365	32,57%	10.988.170
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	7.718.616	10.087.495	30,69%	8.691.573
7	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,30%	20,03%		14,77%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 và 2024 đã kiểm toán; BCTC quý 3/2025 của STB, LPBS tổng hợp và tính toán.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Lũy kế đến ngày 30/09/2025
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR)	Lần	0,95	0,95	0,95
	Đi vay liên ngân hàng/Tổng tiền gửi	Lần	0,07	0,12	0,13
	Dư nợ cho vay/Tổng tài sản	Lần	0,72	0,72	0,71
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,93	0,93	0,93
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	13,75	12,61	12,54
3	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế TNDN/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	Lần	0,01	0,01	0,01
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế TNDN/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	Lần	0,18	0,20	0,15
	Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần/Tổng thu nhập hoạt động	%	83,19%	86,63%	87,52%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/CP	4.094	5.351	6.519

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 và 2024 đã kiểm toán; BCTC quý 3/2025 của STB, LPBS tổng hợp và tính toán.

2.3. Tình hình tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, Quản trị công ty:

Chưa phát hiện sai phạm.

3. Thời gian phân phối chứng quyền

LPBS dự kiến phân phối chứng quyền sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền theo quy định.

Thời gian phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có hiệu lực. Thời gian phân phối, giá chào bán và giá thực hiện cụ thể theo Thông báo phát hành chứng quyền của LPBS.

Việc phân phối chứng quyền chỉ được thực hiện sau khi LPBS bảo đảm nhà đầu tư mua chứng quyền tiếp cận Bản cáo bạch trong hồ sơ đăng ký chào bán với UBCKNN.

Lịch phân phối chứng quyền dự kiến như sau:

STT	Nội dung	Thời gian (Dự kiến)
1	LPBS nhận Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền của UBCKNN	T
2	LPBS công bố thông tin về đợt phát hành	T+1 đến T+3
3	Phân phối chứng quyền: LPBS nhận đăng ký mua và phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư.	T+4 đến T+7
4	Báo cáo và công bố thông tin kết quả phân phối chứng quyền đến UBCKNN và trên website của LPBS.	T+8 đến T+10

4. Đăng ký mua chứng quyền

Thời hạn đăng ký mua chứng quyền

LPBS công bố chính thức thời gian nhận đăng ký mua trong Thông báo phát hành chứng quyền sau khi LPBS được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền. Thời gian dự kiến nhà đầu tư đăng ký mua trong vòng 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có hiệu lực.

Cách thức đăng ký mua chứng quyền

Nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền theo hình thức trực tuyến tại website: www.lptrade.com.vn, hoặc đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở và các Chi nhánh của LPBS.

Trường hợp nhà đầu tư cần giải đáp thắc mắc và hướng dẫn thực hiện xin vui lòng liên hệ với LPBS thông qua: Số điện thoại: (028) 7309 8198 và Email: customer.service@lpbs.com.vn.

Phương thức thanh toán tiền mua chứng quyền

Khi đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư đồng thời thực hiện nộp tiền mua chứng quyền vào tài khoản phong tỏa của Công ty theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản: **Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank.**
- Số tài khoản: **8610058411** tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
- Nội dung nộp tiền: <Tên NĐT><số TKCK> nộp tiền mua <SL><CWSTB>

(Ví dụ: *Nguyen Van A 103C1111111111 nộp tiền mua 5000 CWSTB*)

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 100 chứng quyền.

Bước khối lượng đặt mua chứng quyền: Bội số của 100 chứng quyền.

Nguyên tắc phân phối giá chứng quyền: Giá phân phối chứng quyền là mức giá duy nhất được LPBS thông báo tại Thông báo phát hành chứng quyền sau khi LPBS được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.

Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền: LPBS thông báo cho nhà đầu tư trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phân phối chứng quyền thông qua hình thức thư điện tử (email).

Cách thức xử lý khi chứng quyền chưa được phân phối hết

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh của mình và tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của HOSE sau khi chứng quyền được niêm yết trên HOSE.

Cách thức xử lý khi số lượng chứng quyền đăng ký mua vượt số lượng chứng quyền chào bán

Trong trường hợp tổng số chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua vượt quá số lượng chứng quyền chào bán, số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ được xác định dựa trên nguyên tắc phân bổ theo tỷ lệ đăng ký mua của các nhà đầu tư, cụ thể như sau:

$$\text{Số lượng chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua} = \frac{\text{Số chứng quyền của từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số chứng quyền của các nhà đầu tư đăng ký mua}} \times \text{Tổng số chứng quyền chào bán [x]}$$

Số lượng chứng quyền phân bổ cho từng nhà đầu tư sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm (100 chứng quyền), đồng thời tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng chứng quyền chào bán.

Trường hợp đối với số lượng chứng quyền còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống (nếu có), số chứng quyền này sẽ được phân bổ đều cho các nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất bằng nhau. Nếu sau khi phân bổ đều theo nguyên tắc trên vẫn phát sinh số chứng quyền còn dư, số chứng quyền còn lại này sẽ được phân bổ vào tài khoản tự doanh của LPBS.

5. Thực hiện chứng quyền

5.1. Chứng quyền khi đến ngày đáo hạn, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau (với giá định ngày T là ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời là ngày đáo hạn và T được tính theo ngày làm việc):

- Ngày T - 15: Tổ chức phát hành gửi giấy đề nghị hủy niêm yết chứng quyền và Thông báo về việc lập danh sách người sở hữu chứng quyền tại ngày đáo hạn cho HOSE.
- Ngày T - 7: VSDC lập và gửi cho HOSE, các Thành viên lưu ký Thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
- Ngày T - 2: ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền. Sau ngày này, chứng quyền sẽ bị hủy niêm yết trên HOSE.
- Ngày T: LPBS gửi thông báo giá thanh toán chứng quyền cho VSDC (trên cơ sở giá thanh toán do HOSE công bố).
- Ngày T + 1 (9h): VSDC lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký cho Thành viên Lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).
- Ngày T + 1 (11h): Thành viên lưu ký đối chiếu thông tin trong Danh sách do VSDC cung cấp và gửi cho VSDC thông báo xác nhận (dưới dạng chứng từ điện tử).

Trường hợp xác nhận có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký phải gửi thêm cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại Danh sách đã hiệu chỉnh cho Thành viên lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).

- Ngày T + 2: VSDC gửi cho LPBS Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền
- Ngày T + 3: LPBS gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, LPBS phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.

Trong ngày T + 3, LPBS chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC.

- Ngày T + 4: VSDC phân bổ tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản của Thành viên lưu ký liên quan. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền trong ngày thanh toán (ngày T + 5).
- Ngày T + 5: là ngày thanh toán tiền. Tại ngày này, Thành viên lưu ký thực hiện phân bổ tiền thanh toán cho nhà đầu tư.

Lưu ý:

- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền: Là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$.
- Giá thanh toán chứng quyền là bình quân giá đóng cửa trong 05 ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.
- Số tiền thanh toán ròng: là số tiền thanh toán sau khi đã giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (thuế thu nhập cá nhân và các chi phí khác, nếu có).
- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

5.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán:

Trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, thì việc thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện theo quy trình thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật. Tài sản dùng để thanh toán cho nhà đầu tư, bao gồm từ các nguồn sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.

Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, phá sản, giải thể: việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có đảm bảo một phần.

Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, thì cách tính giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực được xác định theo giá đóng cửa của chứng quyền đó tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi chứng quyền bị hủy niêm yết.

7. Điều chỉnh chứng quyền

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới...

Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:

- Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân

Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của HOSE, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp theo quy định.

8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

Phí giao dịch: Áp dụng khi nhà đầu tư đặt lệnh mua hoặc bán chứng quyền. Mức phí áp

dụng theo quy định tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng quyền.

Thuế: khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền, nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi, mức thuế suất áp dụng là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần.

Lưu ý: trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

Ví dụ về cách tính thuế:

- **Trường hợp 1:** Áp dụng khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần).

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là HPG với giá 2.000 VNĐ/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 1:1, giá thực hiện là 30.000 VNĐ. Nếu nhà đầu tư bán 100 chứng quyền này tại mức giá 3.000 VNĐ/chứng quyền, số thuế phải nộp là: $3.000 \times 100 \times 0,1\% = 300 \text{ VNĐ}$.

- **Trường hợp 2:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền và chứng quyền này bị hủy niêm yết trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là:

- Giá mua lại theo mức giá thị trường của Tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường x Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc;
- Giá thanh toán chứng quyền do Tổ chức phát hành công bố x Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

Ví dụ 2: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và Tổ chức phát hành công bố giá thanh toán chứng quyền là 3.000 VNĐ/chứng quyền thì số thuế nhà đầu tư phải nộp cho 100 chứng quyền mình sở hữu là: $3.000 \times 100 \times 0,1\% = 300 \text{ VNĐ}$.

- **Trường hợp 3:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn, và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở giao dịch Chứng khoán công bố.

Ví dụ 3: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở giao dịch chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 30.000 VNĐ/cổ phiếu thì số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là: $30.000 \times 100 \times 0,1\% = 3.000 \text{ VNĐ}$

- **Trường hợp 4:** Trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

Ví dụ 4: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT với tỷ lệ chuyển đổi là 1 : 1, giá thực hiện là 100.000 VNĐ.

Nếu nhà đầu tư giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở giao dịch chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 100.100 VNĐ/cổ phiếu. Khi đó, chứng quyền này sẽ đáo hạn trong trạng thái có lãi và nhà đầu tư nhận được khoản tiền thanh toán từ tổ chức phát hành là: $(100.100 - 100.000) \times 100 = 10.000 \text{ VNĐ}$.

Số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là:
 $100.100 \times 100 \times 0,1\% = 10.010 \text{ VNĐ}$.

Như vậy, trong trường hợp này, số tiền thuế phải nộp của nhà đầu tư cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư được nhận là $(10.010 - 10.000) = 10 \text{ VND}$.

Phí thực hiện quyền: Nhà đầu tư phải trả phí cho VSDC theo quy định.

Phí lưu ký, chuyển khoản: Áp dụng theo quy định của VSDC.

9. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

LPBS phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng năm (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc lệnh bên bán chứng quyền.
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền.
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của giá (giá chào bán thấp nhất – giá chào mua cao nhất)/ giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường LPBS phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền.
- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn.
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch 5%.
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, LPBS phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán).
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

Trong các trường hợp sau, LPBS không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa (ATO), năm (05) phút đầu sau khi kết thúc ATO và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa (ATC).
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch.
- Giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại Bản cáo bạch của LPBS nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng.
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu (100 chứng quyền), LPBS được miễn đặt lệnh bán.
- Chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp LPBS chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), LPBS được miễn đặt lệnh mua.
- Trường hợp thực hiện huỷ niêm yết chứng quyền, LPBS được miễn đặt lệnh bán.
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), LPBS được miễn đặt lệnh bán hoặc giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), LPBS được miễn đặt lệnh mua.
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), LPBS được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền bán.

- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), LPBS được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền bán.
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức là chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% giá thực hiện hoặc chứng quyền bán đang có giá chứng khoán cơ sở thấp hơn 30% so với giá thực hiện), LPBS được miễn đặt lệnh bán.
- Trong 14 ngày trước khi chứng quyền đáo hạn.
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: Thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, ...
- Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

SGDCK sẽ thực hiện giám sát việc yết giá tạo lập thị trường của LPBS và yêu cầu LPBS giải trình nếu cần.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

1.1. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro, bao gồm vai trò của các Phòng ban liên quan

Đại hội đồng cổ đông LPBS

- Phê duyệt chủ trương phát hành chứng quyền, hạn mức phát hành tổng thể, phương án đảm bảo thanh toán và các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; Phê duyệt quyền của người sở hữu chứng quyền tại LPBS.

Hội đồng quản trị LPBS

- Chỉ đạo triển khai hoạt động phát hành, kinh doanh, lưu ký, niêm yết, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, quản trị rủi ro và các hoạt động khác theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Phê duyệt chiến lược phát hành chứng quyền, phương án phát hành chứng quyền từng đợt.
- Quyết định hạn mức về quy mô phát hành, hạn mức chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, hạn mức tổn thất tối đa, lợi nhuận kỳ vọng, vị thế phòng ngừa rủi ro phù hợp với theo quy định pháp luật và khẩu vị rủi ro trong hoạt động kinh doanh chứng quyền (nếu có).

Hội đồng quản lý rủi ro LPBS

- Đánh giá hạn mức phát hành chứng quyền.
- Đánh giá chứng khoán cơ sở cho việc phát hành chứng quyền.
- Đánh giá nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh chứng quyền.

Tổng Giám đốc LPBS

- Tổ chức thực hiện hoạt động phát hành, kinh doanh, lưu ký, niêm yết, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, và các nghiệp vụ khác liên quan tới chứng quyền theo phân quyền tại LPBS.
- Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro chứng quyền.
- Phân công trách nhiệm và giám sát việc thực hiện quy trình quản trị rủi ro đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Theo dõi kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro.

Phòng Quản trị rủi ro

- Thiết kế, xây dựng, phát triển và duy trì các mô hình để nhận diện, đo lường và quản trị các rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành và kinh doanh chứng quyền tại LPBS.
- Xây dựng các quy trình quản trị rủi ro hoạt động phát hành, phân phối, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro và các nghiệp vụ khác liên quan tới kinh doanh chứng quyền.
- Đề xuất các hạn mức quy mô và hạn mức ngăn lỗ cho hoạt động kinh doanh chứng quyền theo quy định nội bộ và quy định pháp luật.
- Theo dõi, giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của bộ phận trực tiếp tham gia phòng ngừa rủi ro chứng quyền, bao gồm phương án phòng ngừa rủi ro chứng quyền, hoạt động tạo lập thị trường, hoạt động ký quỹ bảo đảm thanh toán,....
- Theo dõi và cảnh báo Ban điều hành về các hạn mức của LPBS, của SGDCK và UBCKNN liên quan đến phát hành và phòng ngừa rủi ro chứng quyền.
- Tham mưu cho Ban điều hành các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý rủi ro.
- Đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của LPBS và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.

Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ (bộ phận Pháp chế)

- Kiểm tra tính tuân thủ pháp luật của các nội dung trong Quy trình quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền và kinh doanh chứng quyền của LPBS.

Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ (bộ phận Kiểm soát nội bộ)

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản liên quan.
- Kiểm tra và giám sát hoạt động phát hành và phòng ngừa rủi ro theo đúng định, quy trình và chính sách của công ty.
- Thực hiện hoạt động tiền kiểm, hậu kiểm nhằm đảm bảo sự tuân thủ trong quy trình chào bán và phát hành chứng quyền.
- Tham gia đánh giá mức độ đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, góp phần phát hiện và ngăn ngừa các sai sót tiềm ẩn trong quá trình vận hành.

Phòng Phái sinh

- Là đầu mối triển khai hoạt động phát hành, kinh doanh, tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
- Xây dựng các công cụ đảm bảo hoạt động kinh doanh chứng quyền được an toàn, hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật và nội bộ LPBS.
- Theo dõi và cảnh báo các rủi ro về giới hạn hoạt động phát hành, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro liên quan tới chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn về rủi ro về thị trường, rủi ro thanh toán, và các biến động khác làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, quyền lợi LPBS. Đồng thời, báo cáo ngay các nội dung này cho cấp có thẩm quyền để xem xét và có hướng xử lý.

1.2. Quy trình quản trị rủi ro



LPBS thực hiện quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền theo các bước, trình tự như sau:

- **Bước 1: Nhận diện các rủi ro có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh chứng quyền**

Trong hoạt động phát hành chứng quyền LPBS có thể gặp phải các rủi ro chính như sau:

- a. **Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán phát sinh khi khách hàng, đối tác hoặc các bên có nghĩa vụ tài chính không thể thực hiện việc thanh toán đúng hạn hoặc đầy đủ theo các cam kết đã thỏa thuận với LPBS. Đồng thời, rủi ro cũng có thể xuất hiện từ phía LPBS trong trường hợp không thể thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như mất khả năng chi trả khi nhà đầu tư thực hiện quyền chứng quyền. Nói cách khác, rủi ro thanh toán phản ánh khả năng tổ chức không đáp ứng được các nghĩa vụ tài chính đã cam kết do gặp khó khăn trong việc cân đối và quản lý nguồn vốn.

- b. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường phát sinh từ sự biến động bất lợi của giá chứng quyền có bảo đảm và/hoặc chứng khoán cơ sở, do chịu ảnh hưởng từ các sự kiện, thông tin tiêu cực hoặc xu hướng thị trường không thuận lợi. Ngoài ra, rủi ro này còn bao gồm khả năng suy giảm giá trị của các tài sản mà LPBS đang nắm giữ, bắt nguồn từ sự biến động của các chỉ số trên thị trường chứng khoán, lãi suất trái phiếu, tỷ giá hối đoái, cũng như các yếu tố kinh tế vĩ mô, vi mô và các biến số thị trường khác.

- c. **Rủi ro pháp lý**

Rủi ro pháp lý phát sinh khi LPBS vi phạm hoặc không tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và quy tắc quản lý hiện hành, từ đó có thể dẫn đến các hậu quả pháp lý như: Bị xử phạt hành chính, nhận cảnh cáo, bị tạm đình chỉ hoạt động hoặc bị thu hồi Giấy phép hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- d. **Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động là những rủi ro phát sinh từ các sai sót trong hoạt động nội bộ, bao gồm: Lỗi kỹ thuật, lỗi công nghệ, sự cố phần mềm hoặc phần cứng, sai lệch trong quy trình nghiệp vụ, cũng như các lỗi do con người trong quá trình triển khai hoạt động. Bên cạnh đó, rủi ro hoạt động còn bao gồm các yếu tố liên quan đến biến động về vốn có thể ảnh hưởng đến việc tuân thủ các chỉ tiêu giới hạn đối với sản phẩm chứng quyền, cùng với các sự kiện bất khả kháng mang tính khách quan như: Thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn và các tình huống khẩn cấp khác ngoài tầm kiểm soát của tổ chức.

c. Rủi ro thanh khoản

- Là rủi ro khi LPBS không thể thực hiện được hoặc thực hiện với chi phí cao hơn cho giao dịch mua/bán để đạt được trọng số trung hòa rủi ro do cổ phiếu không có hoặc có thanh khoản thấp.
- Rủi ro thanh khoản phát sinh khi LPBS không thể thực hiện, hoặc chỉ có thể thực hiện với chi phí cao, các giao dịch mua/bán cần thiết nhằm đạt được trạng thái trung hòa rủi ro đối với chứng quyền có bảo đảm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chứng khoán cơ sở không có hoặc có mức thanh khoản thấp, khiến việc tiếp cận thị trường trở nên hạn chế và tiềm ẩn chi phí giao dịch cao hơn so với kỳ vọng.

• Bước 2: Phân tích rủi ro

Sau khi các yếu tố rủi ro được xác định ở bước trên, Phòng Quản trị Rủi ro phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá để xem xét về mức độ khả năng rủi ro đó xảy ra (được xếp theo thang điểm từ A - Gần như chắc chắn đến E - Hiếm khi xảy ra) và mức ảnh hưởng (xếp theo thang điểm từ 5 - Rất nghiêm trọng đến 1 - Không đáng kể) của chúng tới việc hoàn thành các mục tiêu của LPBS. Các thang đo này được sắp xếp trên bản đồ nhiệt với tông màu trải dài 3 mức: màu đỏ (mức báo động), màu vàng (mức cảnh báo), màu xanh (mức chấp nhận).

Tần suất Mức độ	A - Gần như chắc chắn	B - Có khả năng xảy ra	C - Thỉnh thoảng xảy ra	D - Không chắc xảy ra	E - Hiếm khi xảy ra
5-Rất nghiêm trọng					
4-Nghiêm trọng					
3-Trung bình					
2-Thấp					
1-Không đáng kể					

- Rủi ro thanh toán:** Rủi ro thanh toán tại LPBS là thấp, nhờ vào quy mô của LPBS cũng như lịch sử về việc quản trị nguồn tiền. Ngoài ra, LPBS cũng thực hiện ký quỹ tại ngân hàng lưu ký, và duy trì hoạt động phòng ngừa rủi ro theo quy định để đảm bảo tiền và cổ phiếu thanh toán cho khách hàng khi thực hiện quyền.
- Rủi ro thị trường:** Đây là rủi ro lớn, có khả năng xảy ra, và khó phòng ngừa do phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài LPBS. Do vậy, LPBS cần có các công cụ để theo dõi và cảnh báo kịp thời khi rủi ro thị trường xảy ra, đồng thời xây dựng các phương án và kịch bản để ứng phó với rủi ro thị trường.
- Rủi ro pháp lý:** Đây là rủi ro thể xảy ra khi LPBS vô tình không thực hiện đúng một hoạt động nào đó, hoặc do chưa kịp cập nhật các thay đổi về quy định pháp luật. Phòng Quản trị Rủi ro phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá để xem xét về mức độ khả năng rủi ro đó xảy ra (được xếp theo thang điểm từ A - Gần như chắc chắn đến E - Hiếm khi xảy ra) và mức ảnh hưởng (xếp theo thang điểm từ 5 - Rất nghiêm trọng đến 1 - Không đáng kể) của chúng tới việc hoàn thành các mục tiêu của LPBS. Các thang đo này được sắp xếp trên bản đồ nhiệt với tông màu trải dài 3 mức: màu đỏ (mức báo động), màu vàng (mức cảnh báo), màu xanh (mức chấp nhận).

Tần suất Mức độ	A - Gần như chắc chắn	B - Có khả năng xảy ra	C - Thỉnh thoảng xảy ra	D - Không chắc xảy ra	E - Hiếm khi xảy ra
5-Rất nghiêm trọng					
4-Nghiêm trọng					
3-Trung bình					
2-Thấp					
1-Không đáng kể					

- d. **Rủi ro hoạt động:** Đây là rủi ro thể xảy ra do các lỗi liên quan đến hệ thống phần mềm, hoặc các rủi ro liên quan đến nhân viên làm sai quy trình cũng có thể xảy ra. Phòng Quản trị Rủi ro phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá để xem xét về mức độ khả năng rủi ro đó xảy ra (được xếp theo thang điểm từ A - Gần như chắc chắn đến E - Hiếm khi xảy ra) và mức ảnh hưởng (xếp theo thang điểm từ 5 – Rất nghiêm trọng đến 1 – Không đáng kể) của chúng tới việc hoàn thành các mục tiêu của LPBS. Các thang đo này được sắp xếp trên bản đồ nhiệt với tông màu trải dài 3 mức: màu đỏ (mức báo động), màu vàng (mức cảnh báo), màu xanh (mức chấp nhận).

Tần suất Mức độ	A -Gần như chắc chắn	B -Có khả năng xảy ra	C -Thỉnh thoảng xảy ra	D- Không chắc xảy ra	E-Hiếm khi xảy ra
5-Rất nghiêm trọng					
4-Nghiêm trọng					
3-Trung bình					
2-Thấp					
1-Không đáng kể					

- e. **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro này thấp trong điều kiện thị trường bình thường. Tuy nhiên, rủi ro thanh khoản vẫn có thể xảy ra do các thông tin đột biến của doanh nghiệp, hoặc các thông tin có tác động tiêu cực tới toàn thị trường.

• **Bước 3: Kiểm soát rủi ro**

- Việc đánh giá, kiểm soát rủi ro đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng chiến lược kiểm soát rủi ro của LPBS, nhằm lựa chọn các biện pháp ứng phó phù hợp với từng loại rủi ro cụ thể. Các chiến lược quản trị rủi ro thường được áp dụng bao gồm: tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro, giảm thiểu rủi ro và chấp nhận rủi ro, tùy thuộc vào mức độ tác động và khả năng kiểm soát của tổ chức đối với từng tình huống rủi ro.
- Các hoạt động kiểm soát được xây dựng để bảo đảm các phương pháp xử lý rủi ro đang được thực hiện một cách hiệu quả và hữu hiệu. Các hoạt động này bao gồm:
 - o Kiểm soát có tính chất phòng ngừa: Nhằm ngăn chặn các giao dịch, sự kiện, sai sót không mong muốn xảy ra hay các tình huống bất ngờ. Ví dụ: phân quyền, phân nhiệm; bảo mật mật khẩu và giới hạn quyền truy cập hệ thống, đào tạo nhân viên.
 - o Kiểm soát có tính chất phát hiện: Nhằm phát hiện nhanh chóng các giao dịch, sự kiện, sai sót không mong muốn xảy ra hay các tình huống bất ngờ, từ đó có biện pháp xử lý kịp thời. Ví dụ: xác nhận, đối chiếu, kiểm kê, báo lỗi.
 - o Kiểm soát có tính chất sửa chữa: Nhằm đưa tình hình về trạng thái thích hợp, hoặc ít nhất giảm thiểu hậu quả hoặc thiệt hại phát sinh từ giao dịch, sự kiện, sai phạm không mong muốn hay tình huống bất ngờ gây ra. Ví dụ: kế hoạch kinh doanh liên tục, kế hoạch khắc phục thảm họa.

Loại rủi ro	Nguyên tắc phòng ngừa	Cách thức thực hiện	Phương thức thực hiện
Rủi ro thanh toán	- Duy trì các hệ số an toàn tài chính để kiểm soát liên tục và định kỳ. - Đảm bảo tính tuân thủ về việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.	- Đa dạng đối tác huy động vốn. - Thực hiện công tác trích lập dự phòng theo quy định của pháp luật và quy định của LPBS tại từng thời điểm. - Theo dõi và báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng hàng tháng hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền theo quy định của LPBS.	- Xây dựng hệ thống kiểm soát nguồn vốn chặt chẽ nhằm phân bổ vốn hiệu quả. - Thiết lập hệ thống đánh giá các chỉ tiêu an toàn tài chính phù hợp với đặc thù hoạt động và yêu cầu quản trị rủi ro tài chính của tổ chức - Lựa chọn (các) ngân hàng để phân bổ tiền gửi (nếu có) và chọn hình thức giao dịch phù hợp với nhu cầu thực hiện hoạt động kinh doanh của LPBS. - Thiết lập quy định về cập nhật dòng tiền và báo cáo hàng ngày. - Xây dựng Phương pháp đảm bảo thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
Rủi ro thị trường	- Dự báo các thông tin có tác động xấu để lên ra phương án giảm nhẹ rủi ro. - Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hòa Delta (theo phương án phòng ngừa rủi ro).	- Theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, các vấn đề chính trị có thể ảnh hưởng đến xu hướng chứng khoán hoặc nhóm ngành cụ thể theo định kỳ, đột xuất hoặc khi có yêu cầu. - Mua/bán chứng khoán cơ sở hoặc mua chứng quyền của tổ chức phát hành khác theo các tham số rủi ro đã được thông qua.	- Dự báo xu hướng nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả và lựa chọn, điều chỉnh chiến lược kiểm soát rủi ro phù hợp. - Phòng Phái Sinh phối hợp cùng Phòng Quản trị Rủi ro sẽ thực hiện việc thông qua hệ thống giao dịch và báo cáo cho các bộ phận liên quan cũng như các cơ quan quản lý theo quy định.
Rủi ro pháp lý	Đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ xây dựng lập thị trường.	- Chủ động xây dựng các chương trình nhằm tuân thủ đúng các quy định về tạo lập thị trường theo Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán. - Thường xuyên rà soát, cập nhật Quy trình, quy định nội bộ của LPBS để phù hợp với quy định pháp luật. - Đảm bảo tuân thủ các quy định về giao dịch, chào bán, phân phối, niêm yết, thanh toán chứng quyền, nghĩa vụ tạo lập thị trường. Kịp thời cập nhật và đánh giá các thay đổi của quy định pháp luật nhằm bảo	- Thiết lập, xây dựng hệ thống tự động về tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro. - Thiết lập Quy trình, quy định nội bộ cho các hoạt động nghiệp vụ tại LPBS. - Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao ý thức tuân thủ quy định nội bộ của LPBS và quy định của pháp luật.

Loại rủi ro	Nguyên tắc phòng ngừa	Cách thức thực hiện	Phương thức thực hiện
Rủi ro hoạt động	Nhận diện các rủi ro có thể xảy ra với LPBS từ đó xây dựng các Quy trình, chính sách, hệ thống để giảm thiểu những rủi ro và giúp tối ưu hóa chi phí hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả làm việc.	đảm cho hoạt động kinh doanh của LPBS tuân thủ quy định pháp luật. - Ban hành chế độ báo cáo định kỳ/theo yêu cầu, phân định trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân liên quan. - Nâng cao tính tuân thủ về bảo mật khi truy cập thông tin và nhận thức của nhân viên về việc sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và an ninh mạng của LPBS.	- Thiết lập hệ thống quy trình và quy định nội bộ nhằm đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong quá trình triển khai nghiệp vụ, qua đó tăng cường hiệu lực của công tác kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các sai phạm có thể phát sinh. - Xây dựng quy trình vận hành và kiểm soát mang tính bắt buộc và phòng ngừa rủi ro, bao gồm các nội dung: sao lưu và bảo mật dữ liệu; thiết lập hệ thống đường truyền dữ liệu chính – phụ; triển khai các biện pháp bảo mật và an ninh mạng; mua bảo hiểm cho thiết bị và phần mềm; kiểm tra hệ thống định kỳ; ký kết hợp đồng bảo hành, bảo trì với nhà cung cấp dịch vụ; đồng thời xây dựng sẵn các kịch bản ứng phó khủng hoảng nhằm đảm bảo khả năng phục hồi và duy trì hoạt động trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống. - Trang bị hệ thống giao dịch dự phòng bên cạnh hệ thống gia dịch chính để giảm thiểu khả năng mất kết nối làm gián đoạn khả năng giao dịch của nhà đầu tư. - Xây dựng Quy trình vận hành và kiểm soát theo chuẩn quốc tế để nâng cao phòng ngừa các rủi ro, bao gồm việc mất dữ liệu, bảo mật dữ liệu, virus, hacker xâm nhập nhằm đảm bảo tính bảo mật cho nhà đầu tư và LPBS.
Rủi ro thanh khoản	Đảm bảo chi phí phòng ngừa rủi ro ở mức thấp nhất.	- Luôn giao dịch để đảm bảo một tỷ lệ trung hòa rủi ro theo quy định. - Chi phí phát hành chứng quyền đối với các cổ phiếu lớn và có thanh khoản ổn định. - Quy định khối lượng có phiếu tối đa, phải thực hiện các giao dịch mua/bán để hạn chế rủi ro thanh khoản.	- Hệ thống phần mềm giao dịch. - Báo cáo giám sát.

• **Bước 4: Giám sát rủi ro**

- Hoạt động quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh chứng quyền được giám sát hàng ngày hoặc định kỳ thông qua các báo cáo giám sát cụ thể theo quy định của UBCKNN, HOSE và của LPBS.
- Trong quá trình triển khai công tác quản trị rủi ro, LPBS đồng thời tiến hành giám sát liên tục, rà soát, đánh giá và báo cáo kết quả thực thi các biện pháp quản trị rủi ro nhằm kịp thời thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có).
- Việc giám sát đóng vai trò then chốt trong việc nhận diện và khắc phục các thiếu sót có thể phát sinh trong quá trình quản trị rủi ro. Trường hợp xuất hiện các thông tin rủi ro mới trong quá trình giám sát, LPBS sẽ khởi động lại quy trình từ bước phân tích và/hoặc đánh giá thông tin rủi ro, lựa chọn biện pháp kiểm soát và/hoặc xử lý phù hợp, đồng thời tiếp tục giám sát chặt chẽ hoạt động quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với bối cảnh thực tiễn.
- Thường xuyên và định kỳ thực hiện phân tích, đánh giá các rủi ro đã xảy ra để xác định các khu vực tiềm ẩn rủi ro và có biện pháp xử lý, hạn chế rủi ro phù hợp.
- Tổ chức đánh giá, xếp hạng rủi ro tín dụng: Không có.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra đối với LPBS và người sở hữu chứng quyền.

2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro

Ban điều hành có trách nhiệm

- Chỉ đạo, định hướng việc xây dựng chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro hoạt động phát hành, lưu ký, niêm yết, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro và các hoạt động khác liên quan tới chứng quyền.
- Phân công trách nhiệm và giám sát việc thực hiện quy trình, chính sách quản trị rủi ro đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

Theo dõi kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ (thuộc Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ) có trách nhiệm:

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các văn bản liên quan.
- Kiểm tra và giám sát hoạt động phát hành, lưu ký, niêm yết, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro và các hoạt động khác liên quan tới chứng quyền theo đúng định, quy trình và chính sách của công ty.

Bộ phận Quản trị rủi ro (thuộc Phòng Quản trị rủi ro) có trách nhiệm:

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện quy trình quản trị rủi ro hoạt động phát hành, lưu ký, niêm yết, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro và các hoạt động khác liên quan tới chứng quyền tại Công ty và tại bộ phận trực tiếp tham gia phòng ngừa rủi ro chứng quyền.
- Cảnh báo Ban điều hành về các hạn mức của LPBS, SGDCK, UBCKNN và Các cơ quan có

thẩm quyền khác liên quan đến phát hành và kinh doanh chứng quyền.

- Tham mưu cho Ban điều hành các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý rủi ro.
- Đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của LPBS, quy định pháp luật và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.

Bộ phận Tạo lập thị trường (Thuộc Phòng Phái sinh) có trách nhiệm:

- Trực tiếp tham gia hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
- Thực hiện các hoạt động mua bán chứng quyền và chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, thực hiện báo cáo về hoạt động tạo lập thị trường, vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và lý thuyết hàng ngày theo quy định của UBCKNN và SGDCK.
- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp với Phòng Quản trị rủi ro để quản trị và kiểm soát rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Thông tin về các nhân sự tại bộ phận trực tiếp thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro chứng quyền

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Trần Huy Doãn	Giám đốc Điều hành Khối Đầu tư	1979
2	Đặng Đức Cường	Trưởng Phòng Phái Sinh	1994

1. Trần Huy Doãn - Giám đốc Khối Đầu tư

Họ và tên : Trần Huy Doãn

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1979

Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài chính.

Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002371/QLQ do UBCKNN cấp ngày 27/12/2023.

Kinh nghiệm thị trường Tài chính Chứng khoán : 20 năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán.

Kinh nghiệm thị trường Chứng quyền : Có 4 năm kinh doanh, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2004-05/2020	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	Phó Phòng Kinh doanh Ngoại hối

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2020-04/2025	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	Giám Đốc Phòng Phái sinh
05/2025-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS)	Giám đốc Điều hành Khối Đầu tư

2. Đặng Đức Cường

Họ và tên	: Đặng Đức Cường
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1994
Nơi sinh	: Khánh Hòa
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh doanh Quốc tế. Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002270/QLQ do UBCKNN cấp ngày 17/10/2023. Chứng chỉ chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh số 20 PS14/QĐ-ĐT ngày 14/09/2017.
Kinh nghiệm thị trường Tài chính Chứng khoán	: 07 năm làm việc trong lĩnh vực Môi giới, Phân tích, Đầu tư chứng khoán.
Kinh nghiệm thị trường Chứng quyền	: 04 năm kinh doanh, tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2017- 03/2020	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Trưởng nhóm kinh doanh
02/2021-04/2025	Công ty TNHH Chứng khoán (ACBS)	Quản lý kinh doanh sản phẩm & tạo lập thị trường
04/2025-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS)	Trưởng Phòng Phái sinh

2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

LPBS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, LPBS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của LPBS không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của UNCKNN khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

a. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.

b. Vị thế phòng ngừa rủi ro

Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro

- Hệ số phòng ngừa rủi ro được LPBS áp dụng là hệ số Delta.
- Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.
- Delta được tính toán dựa trên công thức Black Scholes như sau:

$$\text{Delta}_{\text{CALL}} = N(d_1)$$

Trong đó:

- DeltaCALL: Giá trị delta của chứng quyền mua;
- $N(d_1)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes như sau:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

Các tham số đầu vào trong công thức trên được xác định như sau:

Tham số	Phương pháp tính
X: Giá thực hiện của chứng quyền.	Do LPBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm LPBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng.
S: Giá chứng khoán cơ sở hiện tại.	Là giá đóng cửa của CKCS tại thời điểm LPBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán giá chứng quyền, làm báo cáo.
T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)	Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.
r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).	Lãi suất được xác định dựa trên chi phí cơ hội của nguồn vốn dành cho hoạt động kinh doanh chứng quyền (bao gồm tài sản đảm bảo thanh toán và nguồn vốn dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền), dựa trên cơ sở bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng biên độ 2% tại thời điểm LPBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán, làm báo cáo.
σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm).	Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ x (1 + hệ số điều chỉnh) Trong đó: - Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất.

Tham số	Phương pháp tính
	- Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tính thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự.
k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền	Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị CKCS.

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết

- LPBS xác định vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết dựa trên công thức Black Scholes như sau:

$$P = \text{Delta} \times \text{OI} / k$$

Trong đó:

P: Số lượng chứng khoán cơ sở do LPBS dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

OI: Số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành.

k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền.

Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức $\text{DeltaCALL} = N(d1)$.

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế

- LPBS sử dụng chứng khoán cơ sở, và số tiền đã nộp trên tài khoản tự doanh để phòng ngừa rủi ro.
- Vị thế phòng ngừa thực tế (PTT) của LPBS được xác định như sau:

$$P_{TT} = P_{CKCS} + P_{QĐ}$$

Trong đó:

P_{CKCS} : Số lượng chứng khoán cơ sở do LPBS thực tế nắm giữ để phòng ngừa rủi ro chứng quyền.

$P_{QĐ}$: Số lượng chứng khoán cơ sở được quy đổi từ số tiền có trong tài khoản tự doanh của LPBS. Công thức tính như sau: lấy số tiền LPBS đã nộp vào tài khoản tự doanh chia cho giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại ngày tính toán.

- Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền được xác định như sau:

$$\Delta P_{TT} \% = (P - P_{TT}) / P \times 100 \%$$

Trong đó:

$\Delta P_{TT} \%$: Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T.

P: Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền.

P_{TT} : Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.

- LPBS thực hiện phòng ngừa rủi ro để đảm bảo độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế tại cuối ngày giao dịch không vượt quá 20%.

c. Phương án phòng ngừa rủi ro

LPBS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, LPBS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của LPBS không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của UNCKNN khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

d. Ví dụ minh họa

Giả sử LPBS phát hành chứng quyền có bảo đảm với các thông số đầu vào mô tả như sau:

- Tài sản cơ sở: MBB;
- Ngày phát hành: 20/05/2025;
- Ngày niêm yết 02/06/2025;
- Ngày đáo hạn: 20/01/2026;
- Hệ số chuyển đổi: 1:1;
- Lãi suất: 7%;
- Độ biến động giá kỳ vọng: 36%;
- Giá thực hiện: 24.000.

LPBS thực hiện mua vào, bán ra cổ phiếu MBB khi giá cổ phiếu MBB thay đổi như sau:

Ngày	Giá cổ phiếu MBB	Delta	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết	Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế	ΔP_{TT} %:	Số lượng cổ phiếu MBB cần mua/bán
02/06/2025	24.000	0,57	1.000.000	570.000	650.000	-14%	0
03/06/2025	25.000	0,66	900.000	594.000	650.000	-9%	0
04/06/2025	23.500	0,58	900.000	522.000	600.000	-15%	-50.000
05/06/2025	24.500	0,62	950.000	589.000	600.000	-2%	0
06/06/2025	26.000	0,72	1.000.000	720.000	700.000	3%	100.000
09/06/2025	25.000	0,66	1.000.000	660.000	700.000	-6%	0

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền

LPBS phát hành chứng quyền lần đầu.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN**1. Tổ chức kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Giàng Vỡ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 7105 0000 Fax: (024) 246288 5678 Website: www.deloitte.com/vn

2. Ngân hàng lưu ký

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: 028 3914 4714 Website: www.bidv.com.vn

Tổ chức phát hành cam kết về việc tổ chức phát hành không phải là người có liên quan của Ngân hàng lưu ký theo quy định của pháp luật chứng khoán.

3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành, tổ chức tư vấn

Không có.

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của chúng tôi tham gia vào các hoạt động đầu tư, môi giới, và các hoạt động khác có thể có các thông tin quan trọng về Công ty, chứng khoán cơ sở hoặc phát hành, cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty, chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin, các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan hoặc ảnh hưởng đến Công ty, chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu, tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của khách hàng chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến các chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

Hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công ty sẽ được thiết lập để giám sát các xung đột lợi ích có thể xảy ra trong các giao dịch của Công ty và các nhân sự trực tiếp tham gia vào hoạt động phát hành, tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro chứng quyền.

X. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

XI. PHỤ LỤC

- Giấy phép hoạt động kinh doanh số 104/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/02/2009 và các Giấy phép điều chỉnh, bổ sung.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0309312029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12/02/2009 và Đăng ký thay đổi mới nhất.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động.
- Nghị quyết số 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua việc triển khai nghiệp vụ chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.
- Nghị quyết số 148/2025/NQ-HDQT ngày 14/11/2025 của Hội đồng quản trị phê duyệt chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm.
- Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán năm 2024.
- Và các Phụ lục có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19... tháng 12... năm 2025

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN DUY KHOA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19... tháng 12... năm 2025

NGÂN HÀNG LƯU KÝ
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM -
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu